

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*V/v quản trị, kết quả hoạt động năm 2025*  
*và kế hoạch hoạt động năm 2026*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Điều lệ) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Quy chế), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025, Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 với các nội dung như sau:

**I. Tình hình hoạt động năm 2025:**

**1. Cơ cấu cổ đông của Công ty**

*Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất (ngày 21/11/2025): 1.599, gồm 19 cổ đông pháp nhân và 1.580 cổ đông thể nhân.*

Về cơ cấu cổ đông lớn nắm giữ trên 5% số lượng cổ phần và cổ đông nội bộ:

|  |              |
|--|--------------|
| + Tổng Công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1):          | Tỷ lệ 26,05% |
| + Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC):      | Tỷ lệ 19,30% |
| + Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG):    | Tỷ lệ 11,78% |
| + Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABBank): | Tỷ lệ 10,31% |
| + Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam         | Tỷ lệ 7,69%  |
| + VINACONEX:                                     | Tỷ lệ 5,83%  |
| + Cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT:             | Tỷ lệ 0,29%  |

**2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025:**

Năm 2025, Công ty đã thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 162,3% kế hoạch theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/5/2025. Đặc biệt là các nhiệm vụ: Theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp tại Dự án thủy điện Hạ Sê San 2, giá trị cổ tức từ dự án là 3,5 triệu USD đưa giá trị lũy kế lên 487,3 tỷ đồng, đạt 210,8% giá trị đầu tư vào dự án; Triển khai tìm kiếm các công việc mới phù hợp với năng lực để tăng nguồn thu, giải quyết công ăn việc làm cho CBCNV; Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty.

Hoạt động dịch vụ tư vấn luôn được quan tâm, đầu tư để góp phần tăng doanh thu Công ty, tăng thu nhập cho CBCNV và lợi ích cho Cổ đông.

Đối với Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5; Sê Kông và Nậm Mô 1:

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án: Công ty đã nỗ lực tìm kiếm đối tác nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn.

- Về phương án xử lý tài chính:

+ Dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào): ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư ra nước ngoài và HĐQT đã thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; hạch toán toàn bộ toàn bộ chi phí vốn đầu tư các dự án này vào chi phí năm 2025.

+ Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5 (Campuchia): Chưa trình xử lý tài chính trong năm 2025 do cân đối tài chính để đảm bảo mức chi trả cổ tức cho cổ đông từ 10% trở lên.

Kết thúc năm 2025, Công ty đã đảm bảo mức tăng trưởng về quy mô, doanh thu, lợi nhuận là nhờ sự năng động của Ban lãnh đạo Công ty và sự đoàn kết, nỗ lực cố gắng của tập thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV Công ty.

|                           |                 |                     |
|---------------------------|-----------------|---------------------|
| - Tổng doanh thu:         | 108,75 tỷ đồng  | đạt 174,4% kế hoạch |
| - Nộp ngân sách nhà nước: | 1,221 tỷ đồng   |                     |
| - Lợi nhuận:              | 54,083 tỷ đồng, | đạt 162,3% kế hoạch |
| - Tỷ lệ cổ tức:           | 10%             | đạt 100% kế hoạch   |

### **3. Hoạt động của HĐQT năm 2025:**

#### **3.1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT:**

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, 01 thành viên là Tổng Giám đốc, 03 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ 01 quý/1 lần theo quy định để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền và các cuộc họp đột xuất khác để giải quyết những công việc cấp bách, HĐQT mời Ban Kiểm soát Công ty tham dự tất cả các cuộc họp. Vì vậy công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

Thông tin các thành viên HĐQT

| STT | Họ và tên         | Chức vụ                           | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ nắm giữ CP |        | Ghi chú   |
|-----|-------------------|-----------------------------------|---------------|------------------|--------|-----------|
|     |                   |                                   |               | Đại diện         | Sở hữu |           |
| 1   | Trương Quang Minh | Chủ tịch HĐQT                     | 23/06/2023    | 15,63%           | 0,29%  | EVNGENCO1 |
| 2   | Lê Vũ Ninh        | Thành viên HĐQT.<br>Tổng Giám đốc | 23/06/2023    | 10,42%           | -      | EVNGENCO1 |

| STT | Họ và tên        | Chức vụ         | Ngày bổ nhiệm | Tỷ lệ nắm giữ CP |        | Ghi chú |
|-----|------------------|-----------------|---------------|------------------|--------|---------|
|     |                  |                 |               | Đại diện         | Sở hữu |         |
| 3   | Nguyễn Quang Huy | Thành viên HĐQT | 23/06/2023    | 19,30%           | -      | PPC     |
| 4   | Nguyễn Thị Hương | Thành viên HĐQT | 23/06/2023    | 10,31%           | -      | ABBank  |
| 5   | Lê Duy Thanh     | Thành viên HĐQT | 23/06/2023    | 11,78%           | -      | VRG     |

### **3.2. Hoạt động của các thành viên HĐQT:**

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2025 theo đúng chức năng, nhiệm vụ công việc được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025, phù hợp với định hướng chiến lược, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty. Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

#### **a. Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT:**

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- Lãnh vực chiến lược, quy hoạch, công tác tổ chức nhân sự, việc xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ.
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê san 2: Giám sát và quản lý phần vốn góp tại dự án Thủy điện Hạ Sê San 2.
- Thực hiện công tác khác không phân công cho các thành viên HĐQT.

#### **b. Ông Lê Vũ Ninh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:**

- Điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện về chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương, đóng bảo hiểm,...
- Chỉ đạo, đề xuất kiện toàn bộ máy nhân sự; quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

#### **c. Bà Nguyễn Thị Hương – Thành viên HĐQT:**

- Quản lý vốn và đầu tư vốn.
- Phương án phân phối lợi nhuận.
- Lãnh vực tài chính, kiểm toán nội bộ, giám sát.
- Quản trị rủi ro.

- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.
- d. **Ông Nguyễn Quang Huy – Thành viên HĐQT:**
  - Công tác tài chính kế toán và hạch toán kế toán.
  - Phụ trách công tác đấu thầu.
  - Kiểm soát các Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt.
  - Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng.
  - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.
- a. **Ông Lê Duy Thanh – Thành viên HĐQT:**
  - Lĩnh vực chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn.
  - Công tác hợp tác quốc tế.
  - Cơ hội đầu tư, việc làm.
  - Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

### **3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:**

HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty, từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót. Cụ thể như sau:

#### **a. Phương pháp giám sát:**

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi bằng các phương tiện thông tin liên lạc phù hợp. Các quyết định, các hoạt động, điều hành của Ban điều hành đã được HĐQT thường xuyên chỉ đạo, trao đổi Ban điều hành để đưa ra các giải pháp, phương án thực hiện phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

- HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh tiếp theo.

- HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

#### **b. Kết quả giám sát:**

- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi

có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ, Quy chế của Công ty và nghị quyết của ĐHCĐ.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD, báo cáo kịp thời các nội dung và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của HĐQT. Kết quả đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện đúng quy định về việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi, phụ cấp và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý Công ty.

- Ban điều hành đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Điều hành đã duy trì giao ban hàng tháng để có những chỉ đạo sát, điều hành sát sao và kịp thời để có những giải pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu cụ thể, tổng thể trong từng tháng.

### **3.. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:**

#### **a. Kết quả đạt được:**

HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật nên mọi hoạt động của HĐQT Công ty đến Ban điều hành luôn được thực hiện thông suốt, kịp thời và hiệu quả. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo trong mọi mặt hoạt động Công ty, vì sự phát triển của Công ty và lợi ích cổ đông.

Hội đồng quản trị đã xem xét thông qua sửa đổi bổ sung các quy định, quy chế phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế mô hình hoạt động của Công ty.

HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 15 Nghị quyết và 11 Quyết định để Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025.

Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật.

Chi tiết về các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của HĐQT được thống kê như Phụ lục 1 đính kèm.

**b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:**

- Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nậm Mô 1 (Lào): Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn.

- Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5: Trong năm 2025, Công ty chưa thực hiện trình ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua chủ chấm dứt hoạt động đầu tư ra nước ngoài, quyết toán và xử lý tài chính đối với Hạ Sê San 1/Sê San 5 do phải cân đối dòng tiền để đảm bảo mức chi trả cổ tức tối thiểu 10% theo chủ trương của ĐHĐCĐ Công ty.

**3.5 Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2025:**

- Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thông qua nội dung quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2025 như Tờ trình số..... ngày.....Cụ thể như sau:

| TT | Họ và tên          | Chức vụ                                   | Thù lao/tiền lương tháng KH (đồng) | Thù lao/tiền lương KH năm 2025 (đồng) | Quyết toán thù lao/tiền lương năm 2025 (đồng) | Tiền thưởng và các lợi ích khác chi năm 2025 (đồng) |
|----|--------------------|---|------------------------------------|---------------------------------------|---|---|
| 1  | Nguyễn Quang Huy   | Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)                 | 5.382.000                          | 64.584.000                            | 110.360.000                                   | 34.618.000  |
| 2  | Nguyễn Thị Hương   | Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)                 | 5.382.000                          | 64.584.000                            | 110.360.000                                   | 34.618.000  |
| 3  | Lê Duy Thanh       | Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm)                 | 5.382.000                          | 64.584.000                            | 110.360.000                                   | 34.618.000  |
| 4  | Đỗ Quang Minh      | Trưởng BKS (từ 01/01/2025 đến 23/12/2025) | 5.382.000                          | 62.992.000                            | 111.482.000                                   | 14.038.000  |
| 5  | Nguyễn Thành Lương | Trưởng BKS (từ 23/12/2025 đến 31/12/2025) | 5.382.000                          | 1.592.000                             | 2.818.000                                     | 500.000   |
| 6  | Nguyễn Thị Huyền   | TV BKS                                    | 4.306.000                          | 103.344.000                           | 110.360.000                                   | 32.909.500  |
| 7  | Vũ Hương Trà       | TV BKS                                    | 4.306.000                          | 103.344.000                           | 110.360.000                                   | 13.329.500  |
|    | <b>Tổng cộng:</b>  |   |                                    | <b>361.680.000</b>                    | <b>666.100.000</b>                            | <b>164.131.000</b>                                  |

- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 được thực hiện thanh toán theo các quy định nội bộ của Công ty. Trong năm 2025, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị (chi phí đi lại, lưu trú...) là 642,5 triệu đồng.

**II. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026:**

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả dòng vốn đầu tư của các cổ đông và đảm bảo an toàn tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và tình hình hoạt động thực tiễn tại đơn vị.

Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với xu thế phát triển Công ty một cách ổn định và bền vững.

Nâng cao đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho Người lao động chính là mục đích thiết thực để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực.

HĐQT tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty giải quyết linh hoạt, hiệu quả, phù hợp quy định; thực hiện các giải pháp trong hoạt động SXKD, tiết kiệm chống lãng phí để đảm bảo đạt/vượt chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHCĐ giao trong năm 2026.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về các hoạt động trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.

**CHỦ TỊCH**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
  
**Trương Quang Minh**

## PHỤ LỤC 1 – THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

\* Thống kê các cuộc họp của HĐQT:

| TT | Thành viên HĐQT       | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|----|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1  | Ông Trương Quang Minh | 04                       | 100%              |                         |
| 2  | Ông Lê Vũ Ninh        | 04                       | 100%              |                         |
| 3  | Bà Nguyễn Thị Hương   | 04                       | 100%              |                         |
| 4  | Ông Lê Duy Thanh      | 04                       | 100%              |                         |
| 5  | Ông Nguyễn Quang Huy  | 04                       | 100%              |                         |

\* Thống kê các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

| STT                         | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----------------------------|--------------------------|------------|--|-----------------|
| <b>NGHỊ QUYẾT HĐQT 2025</b> |                          |            |  |                 |
| 1.                          | 04/NQ-HĐQT               | 21/02/2025 | Chốt ngày ĐKCD và ngày ĐHĐCD 2025                              | 100%            |
| 2.                          | 06/NQ-HĐQT               | 26/02/2025 | Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024           | 100%            |
| 3.                          | 08/NQ-HĐQT               | 26/03/2025 | Nghị quyết HĐQT phiên 1 năm 2025                               | 100%            |
| 4.                          | 14/NQ-HĐQT               | 10/04/2025 | Thông qua tài liệu ĐHĐCD thường niên năm 2025                  | 100%            |
| 5.                          | 22/NQ-HĐQT               | 02/6/2025  | Thông qua dự toán và KHLCNT gói thầu kiểm toán BCTC năm 2025   | 100%            |
| 6.                          | 28/NQ-HĐQT               | 23/07/2025 | Nghị quyết HĐQT phiên 2 năm 2025                               | 100%            |
| 7.                          | 29/NQ-HĐQT               | 23/7/2025  | Nghị quyết HĐQT chốt ngày ĐKCC lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản | 100%            |
| 8.                          | 30/NQ-HĐQT               | 23/7/2025  | Thông qua chủ trương giao dịch EVNI với các bên liên quan      | 100%            |
| 9.                          | 35/NQ-HĐQT               | 20/8/2025  | Thông qua chủ trương bổ nhiệm TGD EVNI                         | 100%            |
| 10.                         | 38/NQ-HĐQT               | 20/10/2025 | Bổ nhiệm lại TGD EVNI  | 100%            |

| STT                         | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung  | Tỷ lệ thông qua |
|-----------------------------|--------------------------|------------|---|-----------------|
| 11.                         | 39/NQ-HĐQT               | 20/10/2025 | Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025   | 100%            |
| 12.                         | 46/NQ-HĐQT               | 24/11/2025 | Miễn nhiệm thành viên BKS EVNI  | 80%             |
| 13.                         | 49/NQ-HĐQT               | 03/12/2025 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Sekong  | 80%             |
| 14.                         | 50/NQ-HĐQT               | 03/12/2025 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Nậm Mô 1  | 80%             |
| 15.                         | 56/NQ-HĐQT               | 24/12/2025 | Tạm phê duyệt kế hoạch năm 2026   | 100%            |
| <b>QUYẾT ĐỊNH HĐQT 2025</b> |                          |            |   |                 |
| 1.                          | 17/QĐ-HĐQT               | 12/5/2025  | Phê duyệt kế hoạch năm 2025 của EVNI  | 100%            |
| 2.                          | 18/QĐ-HĐQT               | 13/5/2025  | Quyết định cử cán bộ tham gia lớp đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động năm 2025 (bà Phạm Thị Thủy – KTT)                      | 100%            |
| 3.                          | 19/QĐ-HĐQT               | 16/5/2025  | Thành lập tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025  | 100%            |
| 4.                          | 20/QĐ-HĐQT               | 19/5/2025  | Chi tiền thưởng HĐQT, BKS, BDH năm 2024   | 100%            |
| 5.                          | 23/QĐ-HĐQT               | 04/6/2025  | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025  | 100%            |
| 6.                          | 24/QĐ-HĐQT               | 04/6/2025  | Phê duyệt dự toán chi phí Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025  | 100%            |
| 7.                          | 31/QĐ-HĐQT               | 25/7/2025  | Quy chế quản lý chi tiêu áp dụng trong EVNI   | 100%            |
| 8.                          | 36/QĐ-HĐQT               | 06/10/2025 | Thành lập tổ thẩm định quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Dự án dừng thực hiện vĩnh viễn- Thủy điện Nậm Mô 1 và Thủy điện Sê Kong | 100%            |
| 9.                          | 42/QĐ-HĐQT               | 30/10/2025 | Bổ nhiệm lại chức danh quản lý Công ty đối với ông Lê Vũ Ninh   | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày       | Nội dung   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|--|-----------------|
| 10. | 45/QĐ-HĐQT               | 17/11/2025 | Cử đoàn cán bộ đi tham quan, giao lưu trao đổi kinh nghiệm tại Hàn Quốc năm 2025 | 100%            |
| 11. | 55/QĐ-HĐQT               | 18/12/2025 | Công nhân danh hiệu lao động tiên tiến năm 2025                                  | 100%            |

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ**  
**KẾ HOẠCH NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch thực hiện SXKD năm 2026 như sau:

**A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:**

**I. Tình hình thực hiện:**

**1. Công tác Quản lý dự án:**

**\* Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:**

- Về sản xuất điện: Nhà máy phát điện hòa lưới 2,34 tỷ kWh (đạt 128% kế hoạch năm 2025; 132% cùng kỳ năm 2024 và đạt vượt 22% sản lượng thiết kế/1.912 triệu kWh); sản lượng điện sản xuất lũy kế đạt 14,63 tỷ kWh.

- Chi trả cổ tức: Năm 2025, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 với giá trị là 3,5 triệu USD. Tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được lũy kế đến nay là 20,468 triệu USD tương đương 487,3 tỷ đồng (đạt 210,8 % giá trị vốn EVNI đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2).

**\* Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:**

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án: Công ty đã nỗ lực tìm kiếm đối tác nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn.

- Về phương án xử lý tài chính:

+ Dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào): ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động dự án đầu tư ra nước ngoài và HĐQT đã thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư; hạch toán toàn bộ toàn bộ chi phí vốn đầu tư các dự án này vào chi phí năm 2025.

+ Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/5 (Campuchia): Chưa trình xử lý tài chính trong năm 2025 do cân đối tài chính để đảm bảo mức chi trả cổ tức cho cổ đông từ 10% trở lên.

**2. Công tác Tư vấn giám sát:**

**a) Về cung cấp dịch vụ Tư vấn giám sát và nghiệm thu thanh toán:**

- Công ty tổ chức thực hiện dịch vụ TVGS cho 25 gói thầu với giá trị 29,04 tỷ đồng (07 gói thầu đấu thầu mới năm 2025 và 18 gói thầu chuyển tiếp các năm trước). Trong đó, Công ty đã cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát cho công trình trọng điểm

Quốc gia - dự án đường dây 500kV mạch Lào Cai – Vĩnh Yên hoàn thành đúng tiến độ được Công đoàn điện lực Việt Nam tặng giấy khen.

- Đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán/quyết toán 10 gói thầu (bao gồm đã hoàn thành và đang thực hiện dở dang), với giá trị đã nghiệm thu thanh toán là 10,58 tỷ đồng (giá trị trước thuế) đạt 103% kế hoạch năm 2025.

***b) Về công tác đấu thầu (dự thầu các gói thầu Tư vấn giám sát):***

Công ty đã trúng thầu 06 gói thầu TVGS (Dự án Lắp MBA thứ 2 Trạm biến áp 220kV Nam Cẩm, ĐZ 500KV Lào Cai - Vĩnh Yên, TBA 500kV Quảng Trị và ĐZ đầu nối Quảng Trị-rẽ Vũng Áng-Đà Nẵng, Lắp đặt vật tư, thiết bị TBA 500KV Thanh Hóa, Trang bị hệ thống giám sát nguồn DC tại các TBA 500kV mạch 1 và các TBA 500kV đã xảy ra sự cố do hệ thống nguồn DC, Tư vấn giám sát thi công xây dựng và giám sát lắp đặt hệ thống PCCC tại Công ty thủy điện Sông Tranh, Giám sát lắp đặt hệ thống điều khiển giám sát (DCS) và hệ thống điều khiển công suất tổ máy từ xa (AGC) NMTĐ Bắc Bình), với tổng giá trị: 6,071 tỷ đồng (trước thuế VAT) đạt 181,4% kế hoạch năm 2025 (3,346 tỷ đồng).

***c) Về công tác thu hồi công nợ đối với hoạt động dịch vụ:***

Công ty đã tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi (bao gồm khoản tạm ứng) được 10,62 tỷ đồng. Đến 31/12/2025, số dư công nợ phải thu là 7,76 tỷ đồng (trong đó số giữ lại 5% theo Hợp đồng là 1,6 tỷ đồng); số tiền Chủ đầu tư đã tạm ứng thanh toán trước: 1 tỷ đồng.

**3. Công tác quản trị, văn phòng:**

- Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt với 03 Phòng chức năng, biên chế nhân sự 34 người; thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2025 nhằm tối ưu hóa chi phí.

- Công tác công bố thông tin được thực hiện kịp thời và đúng quy định (BCTC, Báo cáo quản trị, Báo cáo thường niên...).

- Công tác quản lý vốn, tài chính:

+ Quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD. Qua đó, đã tiết kiệm chi phí hoạt động khác 932,4 triệu đồng, tương ứng 13,5% so với kế hoạch năm 2025 (trừ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp cho người lao động theo quy định).

+ Thường xuyên, chủ động kiểm soát, cân đối dòng tiền để có phương án gửi tiền có kỳ hạn phù hợp. Qua đó, làm tăng doanh thu hoạt động tài chính từ hoạt động gửi tiết kiệm 2,6 tỷ đồng so với KH năm 2025.

+ Tình hình tài chính của Công ty được duy trì an toàn và ổn định, công tác thanh toán được thực hiện đúng quy định.

+ Các chỉ tiêu tài chính luôn đảm bảo, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển: Nợ phải trả/VCSH (<1); Hệ số bảo toàn vốn ( $\geq 1$ ); Khả năng thanh toán ngắn hạn (>2).

- Công tác nghiệm thu thanh quyết toán:

+ Chủ động xây dựng kế hoạch nghiệm thu thanh quyết toán để đôn đốc các đơn vị thi công nghiệm thu khối lượng đã thực hiện, làm cơ sở để EVNI nghiệm thu thanh quyết toán chi phí TVGS.

+ Thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán kịp thời giá trị Hợp đồng các gói thầu do Công ty cung cấp dịch vụ Tư vấn.

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2025 và ĐHĐCĐ bất thường bầu bổ sung thành viên BKS.

- Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động đối với dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào).

- Duy trì dịch vụ cho thuê văn phòng tại nhà làm việc của EVNI: 10 đơn vị thuê văn phòng 61,3 triệu đồng/1 tháng; 02 đơn vị thuê đất 27 triệu đồng/1 tháng (tổng cộng: 88,3 triệu/1 tháng, tương ứng 1,06 tỷ/1 năm).

- Kien toàn bộ máy nhân sự phù hợp đảm bảo công tác quản lý các dự án và duy trì năng lực thực hiện TVGS các gói thầu chuyên ngành điện lực. Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động đảm bảo đạt lợi nhuận tối thiểu 10% từ công tác TVQLDA, TVGS.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 13%.

- Trong năm 2025, Công ty không có tồn tại nào liên quan các biên bản thanh tra, kiểm tra.

#### **4. Công tác lao động, tiền lương và đào tạo:**

- Lao động: Tổng số lượng CBNV Công ty đến 31/12/2025 là 34 người.

- Công tác đào tạo: Tổ chức và tạo điều kiện để cán bộ tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, các lớp đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ. Cụ thể:

+ Bố trí 07 cán bộ nhóm 4-5 tham gia lớp an toàn vệ sinh lao động; tổ chức huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy tại chỗ cho 20 CBNV.

+ Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công tác tư vấn giám sát PCCC.

+ Cấp lại chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát cho 05 cán bộ giám sát.

+ Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ công tác đấu thầu và tham gia thi để cấp chứng chỉ hành nghề cho 09 cán bộ làm công tác đấu thầu.

#### **5. Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động:**

- Quan tâm, tạo điều kiện và tích cực tham gia thực hiện tốt công tác an sinh xã hội như: hiến máu nhân đạo, ủng hộ nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng trong các đợt mưa lũ; thăm hỏi người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ; ...

- Phối hợp chặt chẽ với Công đoàn thực hiện tuyên truyền, vận động người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua tạo khí thế trong lao động sản xuất, bảo đảm đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ chính sách với người lao động như: 100% CBCNV được đóng BHXH, BHYT, BHTN, TNLĐ và bảo hiểm sức khỏe; tổ chức

khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, riêng đối với lao động nữ 01 năm được khám 02 lần.

- Tổ chức tham quan, học tập và nghỉ mát cho CBCNV tại Hàn Quốc.

### 6. Kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị:

Năm 2025, tập thể CBCNV Công ty đã đoàn kết, nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn, thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo điều hành có hiệu quả hoạt động SXKD của đơn vị; Kết quả đạt được cụ thể như sau:

| TT         | NỘI DUNG  | Đơn vị/tỷ lệ | Kế hoạch năm 2025     | Thực hiện năm 2025     | % thực hiện trên kế hoạch |
|------------|---|--------------|-----------------------|------------------------|---------------------------|
| <b>A</b>   | <b>Tổng nguồn thu</b>   |              | <b>62.346.374.000</b> | <b>108.750.557.029</b> | <b>174%</b>               |
| <b>A.1</b> | Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty                                      | đồng         | 14.346.374.000        | 17.840.733.109         | 124%                      |
| <b>I</b>   | Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty... | đồng         | 4.100.000.000         | 7.256.926.078          | 177%                      |
| <b>II</b>  | Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)                             | đồng         | 10.246.374.000        | 10.583.807.031         | 103%                      |
| <b>A.2</b> | Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2                                      | đồng         | 48.000.000.000        | 90.909.823.920         | 189%                      |
| <b>B</b>   | <b>Tổng chi phí</b>   |              | <b>29.025.926.000</b> | <b>54.667.595.571</b>  | <b>188%</b>               |
| <b>B.1</b> | Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty             | đồng         | 13.084.189.000        | 16.051.461.434         | 123%                      |
| <b>B.2</b> | Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)                     | đồng         | 9.221.737.000         | 9.526.437.837          | 103%                      |
| <b>B3</b>  | Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam                                       | đồng         | 6.720.000.000         | 12.724.823.530         | 189%                      |
| <b>B.4</b> | Chi phí đầu tư dự án thủy điện - dùng triển khai và chi phí khác              | đồng         | -                     | 16.364.872.770.        |                           |

| TT  | NỘI DUNG                        | Đơn vị/tỷ lệ | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | % thực hiện trên kế hoạch |
|-----|---------------------------------|--------------|-------------------|--------------------|---------------------------|
| C   | Lợi nhuận                       | Đồng         |                   |                    |                           |
| C.1 | Lợi nhuận trước thuế            |              | 33.320.448.000    | 54.082.961.458     | 162%                      |
| C.2 | Tỷ lệ chia cổ tức               | %            | 10                | 10                 | 100%                      |
| C.3 | Lợi nhuận phân phối cho cổ đông | đồng         | 36.677.145.000    | 36.677.145.000     | 100%                      |

## II. Các khó khăn, tồn tại và hạn chế:

### 1. Về đầu tư:

#### a. Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) thấp (10%) nên Người đại diện khó chủ động trong việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ của HLSS2.

#### b. Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

Trong năm 2025, Công ty chưa thực hiện trình ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua chủ trương đầu tư ra nước ngoài, quyết toán và xử lý tài chính đối với Hạ Sê San 1/Sê San 5 do phải cân đối dòng tiền để đảm bảo mức chi trả cổ tức tối thiểu 10% theo chủ trương của ĐHĐCĐ Công ty.

### 2. Công tác Tư vấn:

- Việc bổ sung nguồn nhân lực để tăng doanh thu đối với hoạt động TVGS gặp khó khăn: Tiền lương, thu nhập của người lao động còn thấp, trong khi đó các nhà đầu tư tư nhân có chế độ tiền lương, thu nhập và chế độ đãi ngộ khá tốt. Bên cạnh đó, điều kiện công tác tại các công trường gặp nhiều khó khăn, gian khổ.... Do đó, Công ty chưa đủ sức để cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực đủ điều kiện về năng lực, kinh nghiệm vào làm việc tại đơn vị.

- Lợi nhuận từ hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn giám sát giảm do các yếu tố bên ngoài như:

+ Ảnh hưởng từ việc đấu thầu cạnh tranh.

+ Tiến độ hoàn thành một số dự án chậm trễ (vướng mắc giải phóng mặt bằng, điều chỉnh thiết kế, năng lực của đơn vị thi công còn hạn chế...), làm kéo dài thời gian thực hiện công tác TVGS. Tuy nhiên, khi mời thầu Chủ đầu tư đã đưa ra yêu cầu về tiến độ “*phù hợp với tiến độ xây lắp*” nên các chi phí phát sinh do kéo dài thời gian thực hiện Hợp đồng không được Chủ đầu tư xem xét.

## B. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026:

Năm 2025, Công ty cổ phần EVN Quốc tế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trọng

tâm như (i) Quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào; trình ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, quyết toán và xử lý tài chính đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5; (iii) Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, cụ thể:

## **1. Về quản lý đầu tư:**

### **1.1 Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2:**

- Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp.

- Quản lý, theo dõi chặt chẽ tình hình SXKD của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2, đôn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; đảm bảo nhà máy thủy điện Hạ Sê San 2 vận hành an toàn, ổn định và hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đôn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2025 trong năm 2026.

### **1.2 Đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:**

\* Đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:  
Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

\* Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5:

Trình ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, xử lý chi phí đã đầu tư dự án này theo quy định.

## **2. Về đầu tư phát triển:**

Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện (dự án điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện rác...) để trình ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua chủ trương đầu tư hoặc hợp tác đầu tư, phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị.

## **3. Công tác Tư vấn giám sát:**

- Thực hiện các giải pháp tăng doanh thu như:

+ Tăng cường tìm kiếm thông tin thầu trên hệ thống đấu thầu quốc gia và làm việc với các đối tác để tham dự thầu các gói thầu phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của Công ty.

+ Mở rộng hoạt động Tư vấn giám sát cho các dự án nguồn điện, hạ tầng kỹ thuật các nhà máy điện, hạng mục truyền dẫn điện ngầm,...

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho đội ngũ chuyên gia Tư vấn.

- Bố trí nhân sự thực hiện công tác tư vấn hợp lý, khoa học và hiệu quả; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công xây lắp thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán các gói thầu, để EVNI thực hiện nghiệm thu thanh toán/quyết toán chi phí Tư vấn kịp thời, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đạt doanh thu 10,69 tỷ đồng.

#### 4. Công tác khác:

- Chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định, nghĩa vụ đối với Nhà nước, chuẩn mực kế toán, hạch toán đúng chế độ. Thu nộp ngân sách, bảo hiểm đầy đủ, đúng quy định.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.

- Kịp thời cập nhật, triển khai áp dụng và thực hiện tuân thủ các quy định về công tác đấu thầu, quản lý tài chính, quản trị doanh nghiệp, công bố thông tin... để chất lượng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Thường xuyên, chủ động kiểm soát, cân đối dòng tiền để có phương án gửi tiền có kỳ hạn phù hợp nhằm tăng doanh thu hoạt động tài chính.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông theo phương án do ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2026 thông qua.

- Duy trì dịch vụ cho thuê văn phòng tại nhà làm việc của EVNI có hiệu quả đảm bảo đạt vượt giá trị thực hiện năm 2025.

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2026 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ, thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu do ĐHĐCĐ/HĐQT giao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

#### 5. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2026:

| TT  | NỘI DUNG                                 | Đơn vị/tỷ lệ | Kế hoạch năm 2026 | Thực hiện năm 2025 |
|-----|--|--------------|-------------------|--------------------|
| A   | Kế hoạch nguồn thu                       | đồng         | 68.234.967.000    | 108.750.557.029    |
| A.1 | Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty | đồng         | 18.234.967.000    | 17.840.733.109     |

| <b>TT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>Đơn vị/tỷ lệ</b> | <b>Kế hoạch năm 2026</b>     | <b>Thực hiện năm 2025</b>    |
|------------|---|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| I          | Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty      | đồng                | 7.540.000.000                | 7.256.926.078                |
| 1          | <i>Doanh thu từ hoạt động tài chính</i>   | <i>đồng</i>         | <i>6.540.000.000</i>         | <i>5.749.300.331</i>         |
| 2          | <i>Doanh thu từ cho thuê đất, văn phòng của Công ty và doanh thu khác</i>       | <i>đồng</i>         | <i>1.000.000.000</i>         | <i>1.507.625.747</i>         |
| II         | Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)                               | đồng                | 10.694.967.000               | 10.583.807.031               |
| A.2        | <b><i>Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2</i></b>                          | <b><i>đồng</i></b>  | <b><i>50.000.000.000</i></b> | <b><i>90.909.823.920</i></b> |
| <b>B</b>   | <b>Kế hoạch chi phí hoạt động</b>   | <b><i>đồng</i></b>  | <b><i>33.722.275.000</i></b> | <b><i>54.667.595.571</i></b> |
| <b>B.1</b> | <b><i>Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty</i></b> | <b><i>đồng</i></b>  | <b><i>17.096.805.000</i></b> | <b><i>16.051.461.434</i></b> |
| 1          | <i>Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty</i>                 | <i>đồng</i>         | <i>16.586.805.000</i>        | <i>15.543.997.286</i>        |
| 2          | <i>Chi phí khấu hao Tài sản cố định</i>   | <i>đồng</i>         | <i>510.000.000</i>           | <i>507.464.148</i>           |
| <b>B.2</b> | <b><i>Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)</i></b>         | <b><i>đồng</i></b>  | <b><i>9.625.470.000</i></b>  | <b><i>9.526.437.837</i></b>  |
| <b>B.3</b> | <b><i>Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam</i></b>                           | <b><i>đồng</i></b>  | <b><i>7.000.000.000</i></b>  | <b><i>12.724.823.530</i></b> |
| <b>B.4</b> | <b><i>Chi phí đầu tư dự án thủy điện- dừng triển khai và chi phí khác</i></b>   |                     |                              | <b><i>16.364.872.770</i></b> |
| <b>C</b>   | <b>Kế hoạch lợi nhuận</b>   |                     |                              |                              |
| 1          | Lợi nhuận trước thuế năm nay  | đồng                | 34.512.692.000               | 54.082.961.458               |
| 2          | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước để lại                                       | đồng                | 35.092.085.291               | 21.184.740.833               |
| <b>D</b>   | <b>Kế hoạch chi trả cổ tức:</b>   |                     |                              |                              |
| 1          | Tỷ lệ chia cổ tức   | %                   | 10                           | 10                           |
| 2          | Lợi nhuận phân phối cho cổ đông   | đồng                | 36.677.145.000               | 36.677.145.000               |
| 3          | Hình thức chi trả   |                     | Tiền mặt                     | Tiền mặt                     |

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu: VT, TH, HĐQT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Vũ Ninh**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
EVN QUỐC TẾ**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**

| <b>MỤC LỤC</b>  | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | 1 - 3        |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                                   | 4 - 5        |
| Báo cáo tài chính   |              |
| • Bảng cân đối kế toán                                      | 6 - 7        |
| • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh                      | 8            |
| • Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                                | 9            |
| • Thuyết minh Báo cáo tài chính                             | 10 - 33      |

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/01/2025 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHN ngày 20/02/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán EIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 28/02/2017.

Vốn điều lệ: 366.771.450.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025: 366.771.450.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.6255656
- Fax: (84) 0236.3633991
- Website: www.evni.vn

### Nghành nghề kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Tư vấn quản lý dự án; Hoàn thiện công trình thủy điện;
- Quản lý dự án; Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Xây dựng, vận hành các công trình điện; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 34 người. Trong đó cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trương Quang Minh | Chủ tịch   | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Ông Nguyễn Quang Huy  | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Hương   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Ông Lê Vũ Ninh        | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Ông Lê Duy Thanh      | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |

### Ban Kiểm soát

- |                          |            |                              |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thành Lương | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23/12/2025     |
| • Ông Đỗ Quang Minh      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23/06/2023     |
|                          |            | Miễn nhiệm ngày 23/12/2025   |
| • Bà Vũ Hương Trà        | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Huyền    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 23/06/2023 |

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                     |                   |                              |
|---------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Lê Vũ Ninh    | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm lại ngày 31/10/2025 |
| • Ông Lê Thanh Khoa | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/12/2021     |
| • Bà Phạm Thị Thủy  | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 16/11/2023 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218, Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ty tại thời điểm 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Trương Quang Minh**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN-KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 319/2026/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2026 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại điểm (2) của Thuyết minh số 32, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2025 là 24.313.325.211 đồng hiện phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tồn thất đối với các chi phí đầu tư của dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026

**Lê Nữ Mai Anh – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4435-2023-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN  
 Ban hành theo Thông tư  
 số 200/2014/TT - BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2025<br>VND      | 01/01/2025<br>VND      |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |             | <b>158.421.619.891</b> | <b>106.803.473.620</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>9.154.814.342</b>   | <b>3.817.461.099</b>   |
| 1. Tiền   | 111        |             | 154.814.342            | 617.461.099            |
| 2. Các khoản tương đương tiền                   | 112        |             | 9.000.000.000          | 3.200.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>            | <b>120</b> |             | <b>135.100.000.000</b> | <b>91.200.000.000</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                       | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 123        | 6           | 135.100.000.000        | 91.200.000.000         |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>         | <b>130</b> |             | <b>9.575.298.504</b>   | <b>7.924.378.602</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | 7           | 7.764.456.455          | 6.148.038.064          |
| 2. Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | 8           | 2.146.508.014          | 2.112.006.503          |
| 3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi           | 137        |             | (335.665.965)          | (335.665.965)          |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                         | <b>140</b> |             | <b>4.286.884.027</b>   | <b>3.016.571.395</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                 | 141        | 9           | 4.286.884.027          | 3.016.571.395          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho               | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>150</b> |             | <b>304.623.018</b>     | <b>845.062.524</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        | 10.a        | 289.748.860            | 421.530.966            |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 153        | 18          | 14.874.158             | 14.874.158             |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác                        | 155        |             | -                      | 408.657.400            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>300.028.151.282</b> | <b>316.987.734.620</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>23.491.480.111</b>  | <b>23.875.819.603</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 11          | 4.423.480.111          | 4.807.819.603          |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 11.233.005.864         | 11.283.575.864         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (6.809.525.753)        | (6.475.756.261)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | 12          | 19.068.000.000         | 19.068.000.000         |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 19.106.721.745         | 19.106.721.745         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (38.721.745)           | (38.721.745)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> | <b>13</b>   | <b>21.063.150.070</b>  | <b>21.186.274.726</b>  |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | 22.847.263.434         | 22.847.263.434         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | (1.784.113.364)        | (1.660.988.708)        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>24.313.325.211</b>  | <b>40.266.466.962</b>  |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | 14          | 24.313.325.211         | 40.266.466.962         |
| <b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>    | <b>250</b> |             | <b>231.146.788.190</b> | <b>231.146.788.190</b> |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | 15          | 231.146.788.190        | 231.146.788.190        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>13.407.700</b>      | <b>512.385.139</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | 10.b        | 13.407.700             | 512.385.139            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>458.449.771.173</b> | <b>423.791.208.240</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2025**

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2025<br>VND      | 01/01/2025<br>VND      |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>16.410.618.882</b>  | <b>32.875.212.407</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>16.371.138.882</b>  | <b>32.834.722.407</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 16          | 739.944.150            | 522.256.800            |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | 17          | 1.017.693.666          | 245.488.738            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 18          | 723.326.290            | 483.865.320            |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 4.986.371.500          | 1.521.889.000          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 19          | 11.651.563             | 18.044.916             |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 20.a        | 7.184.294.070          | 29.254.008.490         |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        |             | 16.000                 | -                      |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 1.707.841.643          | 789.169.143            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>39.480.000</b>      | <b>40.490.000</b>      |
| 1. Phải trả dài hạn khác                       | 337        | 20.b        | 39.480.000             | 40.490.000             |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338        |             | -                      | -                      |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>442.039.152.291</b> | <b>390.915.995.833</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>21</b>   | <b>442.039.152.291</b> | <b>390.915.995.833</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | 21          | 366.771.450.000        | 366.771.450.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 366.771.450.000        | 366.771.450.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 21          | 75.267.702.291         | 24.144.545.833         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 21.184.740.833         | 21.344.178.886         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 54.082.961.458         | 2.800.366.947          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>458.449.771.173</b> | <b>423.791.208.240</b> |



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thủy

Người lập

Trần Vũ Quốc Tài

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2025<br>VND         | Năm 2024<br>VND       |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ             | 01        | 22          | 11.672.776.512          | 10.972.911.239        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                      | 02        |             | 28.005.825              | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ          | 10        |             | 11.644.770.687          | 10.972.911.239        |
| 4. Giá vốn hàng bán                                  | 11        | 23          | 10.027.332.333          | 9.046.696.219         |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>1.617.438.354</b>    | <b>1.926.215.020</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                     | 21        | 24          | 96.659.124.251          | 68.031.365.045        |
| 7. Chi phí tài chính                                 | 22        | 25          | 12.724.823.530          | 8.812.608.684         |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                     | 23        |             | -                       | -                     |
| 8. Chi phí bán hàng                                  | 25        |             | -                       | -                     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                      | 26        | 26          | 15.550.566.938          | 10.700.708.070        |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>30</b> |             | <b>70.001.172.137</b>   | <b>50.444.263.311</b> |
| 11. Thu nhập khác                                    | 31        | 27          | 446.662.091             | 38.742.082            |
| 12. Chi phí khác                                     | 32        | 28          | 16.364.872.770          | -                     |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                            | <b>40</b> |             | <b>(15.918.210.679)</b> | <b>38.742.082</b>     |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>         | <b>50</b> |             | <b>54.082.961.458</b>   | <b>50.483.005.393</b> |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                      | 51        | 29          | -                       | 2.349.946             |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                       | 52        |             | -                       | -                     |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                   | <b>60</b> |             | <b>54.082.961.458</b>   | <b>50.480.655.447</b> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                         | 70        | 28          | 1.475                   | 1.296                 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                       | 71        | 28          | 1.475                   | 1.296                 |

Chủ tịch Hội đồng quản trị

  
Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

  
Phạm Thị Thủy

Người lập



Trần Vũ Quốc Tài

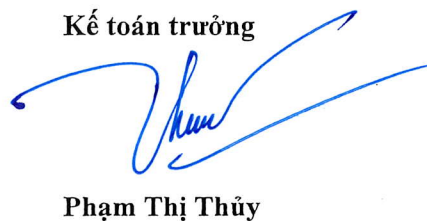
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm 2025 VND            | Năm 2024 VND            |
|--|-------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |       |             |                         |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    |             | 54.082.961.458          | 50.483.005.393          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản  |       |             |                         |                         |
| - Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT  | 02    | 11,12,13    | 507.464.148             | 360.359.032             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04    |             | (4.689)                 | (109.874)               |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05    | 24, 25      | (67.964.866.014)        | (59.294.122.862)        |
| 3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động  | 08    |             | (13.374.445.097)        | (8.450.868.311)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    |             | (1.263.307.502)         | 586.406.796             |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10    | 9           | (1.270.312.632)         | (1.067.585.269)         |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |             | 5.108.669.395           | (454.394.749)           |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12    |             | 630.759.545             | 329.392.093             |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    | 18          | -                       | (265.909.885)           |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 17    |             | (2.041.132.500)         | (2.017.396.880)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | 20    |             | <b>(12.209.768.791)</b> | <b>(11.340.356.205)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |       |             |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác   | 21    |             | -                       | (1.559.720.344)         |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác  | 23    | 6           | (171.800.000.000)       | (98.800.000.000)        |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác                                       | 24    | 6           | 127.900.000.000         | 112.870.000.000         |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27    | 8, 24, 25   | 83.939.052.765          | 59.103.562.862          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | 30    |             | <b>40.039.052.765</b>   | <b>71.613.842.518</b>   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |       |             |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33    |             | 16.000                  | -                       |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36    |             | (22.491.951.420)        | (61.128.067.980)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | 40    |             | <b>(22.491.935.420)</b> | <b>(61.128.067.980)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>  | 50    |             | <b>5.337.348.554</b>    | <b>(854.581.667)</b>    |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ  | 60    | 5           | 3.817.461.099           | 4.671.932.892           |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ  | 61    |             | 4.689                   | 109.874                 |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>  | 70    | 5           | <b>9.154.814.342</b>    | <b>3.817.461.099</b>    |

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
  
Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng  
  
Phạm Thị Thủy

Người lập  
  
Trần Vũ Quốc Tài

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**1. Đặc điểm hoạt động****1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 8 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/01/2025 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh chính:** Quản lý dự án; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng.

**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

**4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### *Dự phòng*

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa và đích danh đối với dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

**4.5 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u>      | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 5 - 30                          |
| Máy móc, thiết bị        | 10 (Hết khấu hao)               |
| Phương tiện vận tải      | 8                               |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 – 5 (Hết khấu hao)            |

**4.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất lâu dài và tài sản cố định vô hình khác.

**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

**Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u>       | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------------|---------------------------------|
| Quyền sử dụng Website     | 3 (Hết khấu hao)                |
| Quyền sử dụng đất lâu dài | Không khấu hao                  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

| <u>Loại tài sản</u>    | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 - 30                          |

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.18 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động tư vấn, giám sát thi công xây dựng và cho thuê văn phòng.

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 hoạt động tư vấn được áp dụng mức thuế suất 8% theo Nghị định 108/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                   | 31/12/2025           | 01/01/2025           |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                          | 13.629.000           | 2.974.000            |
| Tiền gửi ngân hàng                | 141.185.342          | 614.487.099          |
| Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng | 9.000.000.000        | 3.200.000.000        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>9.154.814.342</b> | <b>3.817.461.099</b> |

**6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

|   | 31/12/2025             | 01/01/2025            |
|---|------------------------|-----------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng | 135.100.000.000        | 91.200.000.000        |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>135.100.000.000</b> | <b>91.200.000.000</b> |

Tại thời điểm 31/12/2025 khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Trong đó, khoản tiền gửi có giá trị 3.300.000.000 đồng được cầm cố cho khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các ngân hàng:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: 1.300.000.000 đồng;
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam: 2.000.000.000 đồng.

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|  | 31/12/2025           | 01/01/2025           |
|--|----------------------|----------------------|
| BQL dự án các công trình điện Miền Trung                             | 5.165.495.404        | 3.933.841.911        |
| Công ty Truyền tải điện 1  | 840.000.000          | 840.000.000          |
| Công ty CP Thủy điện A Vương   | 700.000.000          | 700.000.000          |
| BQL dự án truyền tải điện - CN Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia | 365.736.000          | 173.889.082          |
| Các đối tượng khác   | 693.225.051          | 500.307.071          |
| <b>Cộng</b>  | <b>7.764.456.455</b> | <b>6.148.038.064</b> |

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

|   | Mối quan hệ          | 31/12/2025           | 01/01/2025           |
|---|----------------------|----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty phát điện 1  | Công ty đầu tư       | 135.665.965          | 135.665.965          |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia | Chung Công ty đầu tư | 5.165.495.404        | 3.933.841.911        |
| Ban QLDA Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia      | Chung Công ty đầu tư | 365.736.000          | 173.889.082          |
| Công ty truyền tải điện 1 - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia               | Chung Công ty đầu tư | 840.000.000          | 840.000.000          |
| Ban QLDA điện 1 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam                                 | Chung Công ty đầu tư | 233.110.514          | -                    |
| Công ty CP Thủy điện A Vương  | Chung Công ty đầu tư | 700.000.000          | 700.000.000          |
| <b>Cộng</b>   |                      | <b>7.440.007.883</b> | <b>5.783.396.958</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

|                          | 31/12/2025           |          | 01/01/2025           |          |
|--------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                          | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| Lãi dự thu               | 1.936.801.000        | -        | 1.957.846.000        | -        |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 45.000.000           | -        | 25.000.000           | -        |
| Các khoản khác           | 164.707.014          | -        | 129.160.503          | -        |
| <b>Cộng</b>              | <b>2.146.508.014</b> | <b>-</b> | <b>2.112.006.503</b> | <b>-</b> |

**9. Hàng tồn kho**

|  | 31/12/2025           |          | 01/01/2025           |          |
|--|----------------------|----------|----------------------|----------|
|  | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Tư vấn giám sát) | 4.286.884.027        | -        | 3.016.571.395        | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.286.884.027</b> | <b>-</b> | <b>3.016.571.395</b> | <b>-</b> |

**10. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

|                             | 31/12/2025         | 01/01/2025         |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí thuê nhà            | 23.713.161         | -                  |
| Chi phí bảo hiểm            | 76.262.435         | 84.398.730         |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 97.003.447         | 119.752.279        |
| Chi phí trả trước khác      | 92.769.817         | 217.379.957        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>289.748.860</b> | <b>421.530.966</b> |

**b. Dài hạn**

|                             | 31/12/2025        | 01/01/2025         |
|-----------------------------|-------------------|--------------------|
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | -                 | 3.074.410          |
| Chi phí sửa chữa Tài sản    | -                 | 423.618.053        |
| Chi phí trả trước khác      | 13.407.700        | 85.692.676         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>13.407.700</b> | <b>512.385.139</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

|                        | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | P.tiện vận tải<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                  |
|------------------------|---------------------------|---------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                           |                     |                              |                              |                       |
| Số đầu năm             | 5.726.541.518             | 297.272.727         | 4.901.727.544                | 358.034.075                  | 11.283.575.864        |
| Tăng trong năm         | -                         | -                   | -                            | -                            | -                     |
| Giảm trong năm         | -                         | -                   | -                            | 50.570.000                   | 50.570.000            |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>5.726.541.518</b>      | <b>297.272.727</b>  | <b>4.901.727.544</b>         | <b>307.464.075</b>           | <b>11.233.005.864</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                           |                     |                              |                              |                       |
| Số đầu năm             | 2.468.484.367             | 297.272.727         | 3.351.965.092                | 358.034.075                  | 6.475.756.261         |
| Khấu hao trong năm     | 189.374.448               | -                   | 194.965.044                  | -                            | 384.339.492           |
| Giảm trong năm         | -                         | -                   | -                            | 50.570.000                   | 50.570.000            |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>2.657.858.815</b>      | <b>297.272.727</b>  | <b>3.546.930.136</b>         | <b>307.464.075</b>           | <b>6.809.525.753</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                           |                     |                              |                              |                       |
| Số đầu năm             | 3.258.057.151             | -                   | 1.549.762.452                | -                            | 4.807.819.603         |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>3.068.682.703</b>      | <b>-</b>            | <b>1.354.797.408</b>         | <b>-</b>                     | <b>4.423.480.111</b>  |

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 3.992.051.911 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2025.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

**12. Tài sản cố định vô hình**

|                        | Quyền sử<br>dụng đất(*) | Quyền sử dụng<br>Website | Cộng                  |
|------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                         |                          |                       |
| Số đầu năm             | 19.068.000.000          | 38.721.745               | 19.106.721.745        |
| Tăng trong năm         | -                       | -                        | -                     |
| Giảm trong năm         | -                       | -                        | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>19.068.000.000</b>   | <b>38.721.745</b>        | <b>19.106.721.745</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                         |                          |                       |
| Số đầu năm             | -                       | 38.721.745               | 38.721.745            |
| Khấu hao trong năm     | -                       | -                        | -                     |
| Giảm trong năm         | -                       | -                        | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>-</b>                | <b>38.721.745</b>        | <b>38.721.745</b>     |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                         |                          |                       |
| Số đầu năm             | 19.068.000.000          | -                        | 19.068.000.000        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>19.068.000.000</b>   | <b>-</b>                 | <b>19.068.000.000</b> |

(\*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4m<sup>2</sup>. Khu đất hiện tại Công ty sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê văn phòng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 38.721.745 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. Bất động sản đầu tư**

|                        | Quyền sử dụng đất     | Nhà                  | Cộng                  |
|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                       |                      |                       |
| Số đầu năm             | 19.068.000.000        | 3.779.263.434        | 22.847.263.434        |
| Tăng trong năm         | -                     | -                    | -                     |
| Giảm trong năm         | -                     | -                    | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>19.068.000.000</b> | <b>3.779.263.434</b> | <b>22.847.263.434</b> |
| <b>Khấu hao lũy kế</b> |                       |                      |                       |
| Số đầu năm             | -                     | 1.660.988.708        | 1.660.988.708         |
| Tăng trong năm         | -                     | 123.124.656          | 123.124.656           |
| Giảm trong năm         | -                     | -                    | -                     |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>-</b>              | <b>1.784.113.364</b> | <b>1.784.113.364</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                       |                      |                       |
| Số đầu năm             | 19.068.000.000        | 2.118.274.726        | 21.186.274.726        |
| <b>Số cuối năm</b>     | <b>19.068.000.000</b> | <b>1.995.150.070</b> | <b>21.063.150.070</b> |

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tương ứng với diện tích cho thuê tại Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Xem thêm thuyết minh số 12.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | 31/12/2025            | 01/01/2025            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (a) | 24.313.325.211        | 24.313.325.211        |
| Dự án thủy điện SeKong (b)               | -                     | 8.755.911.108         |
| Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (c)             | -                     | 7.197.230.643         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>24.313.325.211</b> | <b>40.266.466.962</b> |

(a) Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/Sê San 5: có chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2025 là 24.313.325.211 đồng; đã bao gồm phần thuế GTGT đầu vào của dự án và chi phí quản lý dự án do chính Công ty thực hiện, chi tiết như sau:

| Dự án                                | Địa điểm  | Thuê GTGT đầu vào    | Chi phí quản lý dự án (*) | Chi phí thuê đơn vị tư vấn | Tổng                  |
|--------------------------------------|-----------|----------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 | Campuchia | 1.784.456.406        | 5.191.997.418             | 17.336.871.387             | 24.313.325.211        |
| <b>Cộng</b>                          |           | <b>1.784.456.406</b> | <b>5.191.997.418</b>      | <b>17.336.871.387</b>      | <b>24.313.325.211</b> |

(\*) Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí như: tiền thuê văn phòng Công ty tại Việt Nam được phân bổ; chi phí thuê văn phòng tại khu vực dự án làm văn phòng quản lý, điều hành dự án; chi phí khấu hao tài sản cố định (phương tiện, máy móc) phục vụ điều hành dự án; chi phí nhiên liệu, công cụ dụng cụ tham gia trực tiếp công tác điều hành dự án; chi phí tiền lương cán bộ, nhân viên tham gia quản lý dự án; chi phí mua vé máy bay, vé xe cho cán bộ, nhân viên đi công tác, chi phí tiếp khách, tổ chức hội họp liên quan đến dự án.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cơ sở pháp lý để Công ty hạch toán các chi phí trên vào chi phí quản lý dự án như sau:

- Khoản 1, Điều 3, chương III tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nêu rõ: “Đầu tư, quản lý dự án công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia”;
- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 21/01/2015), Mục 3 - Ngành, nghề kinh doanh, nội dung thứ 5, ghi rõ “quản lý dự án”.
- Từ khi thành lập đến nay, Công ty hoạt động với nhiệm vụ chính là nghiên cứu đầu tư các dự án, theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/2/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, trong đó chi phí quản lý dự án là một hạng mục chi phí bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ khi lập dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí này nhằm mục đích để chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án. Ở đây, Công ty đủ năng lực thực hiện nên đã tổ chức tự thực hiện nhiệm vụ. Công ty phải phân bổ các chi phí quản lý cho các dự án đang được nghiên cứu đầu tư nhằm phản ánh đầy đủ chi phí hình thành tài sản cố định.
- Nguyên tắc “phù hợp” được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “Chuẩn mực chung” có nêu: “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó”.

(b) Dự án thủy điện Sê Kông: được triển khai thực hiện trên cơ sở biên bản ghi nhớ (MoU) ký ngày 09/12/2009 giữa Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) và EVNI về việc nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kông. MoU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. EVNI đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và nộp MIME tháng 6/2012. Đến tháng 09/2013, EVNI nhận được văn bản số 2335.MIME của Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia về việc dừng gia hạn MOU do dự án ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên theo đánh giá của EVNI là do tại thời điểm năm 2012 EVNI không thực hiện triển khai dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 (EVNI chuyển giao dự án và tham gia góp vốn 10% vào dự án) nên điều này ảnh hưởng đến các dự án điện của Campuchia, vì thế phía Campuchia không thực hiện gia hạn MoU của dự án.

(c) Dự án thủy điện Nậm Mô 1: được thực hiện theo MOU đã ký ngày 04/03/2010 giữa EVNI và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc triển khai nghiên cứu đầu tư và phát triển dự án thủy điện Nậm Mô 1. EVNI đã hoàn thành BCNCKT và trình Bộ Năng lượng và mỏ của Lào (MEM) vào tháng 11/2012. Tháng 5/2013, Công ty đã tổ chức báo cáo hồ sơ nghiên cứu khả thi và đề nghị phía Lào thông qua dự án để EVNI ký Hợp đồng phát triển dự án (PDA) nhằm kéo dài thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng phục vụ tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng. Sau khi thông qua báo cáo phía Lào đã có văn bản chính thức thông qua sơ bộ BCNCKT theo văn bản số: 535/MEM.DEPP ngày 24/07/2013 (đây là một trong điều kiện đầu vào để ký PDA; một điều kiện khác là TOR của EIA được phê duyệt, Công ty cũng đã hoàn thành). Tuy nhiên tại thời điểm thông qua BCNCKT tháng 7/2013 quyền nghiên cứu phát triển dự án được thể hiện trong MoU đã hết hạn vào tháng 05/2013 do đó MEM từ chối ký PDA cho dự án.

Việc MEM chậm trễ trong việc tổ chức tổ chức họp xem xét hồ sơ BCNCKT của dự án (BCNCKT được EVNI nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào vào tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và tháng 7/2013 được sơ bộ thông qua, thời gian tổ chức họp kéo dài hơn 6 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ BCNCKT dự án, dẫn đến khi BCNCKT của dự án được thông qua thì MOU của dự án đã hết hạn, không đủ điều kiện để ký PDA cho dự án).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

mặc dù EVNI đã nhiều lần kiến nghị đến các cơ quan chức năng của nước sở tại, kiến nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam thông qua con đường ngoại giao hỗ trợ xúc tiến triển khai; tìm các giải pháp hợp tác/chuyển giao dự án nhưng chưa có kết quả.

Ngày 05/9/2025, Đại hội đồng cổ đông EVNI (với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đã có Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động (dừng vĩnh viễn) đối với dự án thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1; Đồng thời giao cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao thu hồi chi phí đã bỏ ra. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giá trị tổn thất đối với 02 Dự án này.

**15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

|  | 31/12/2025                    | 01/01/2025                    |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (*) | 231.146.788.190               | 231.146.788.190               |
| <b>Cộng</b>                            | <b><u>231.146.788.190</u></b> | <b><u>231.146.788.190</u></b> |

(\*) Phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 là 10% vốn chủ sở hữu. Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà Công ty đã thực hiện cho Dự án thể hiện bằng các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của Dự án. Quyết toán chi phí thực hiện khối lượng công việc nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 của Công ty thông qua với giá trị 231.146.788.190 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Xem Thuyết minh chi tiết tại mục 32 “Thông tin về các dự án/khoản đầu tư và đánh giá của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các dự án”

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 ngày 22/05/2025 đã thông qua các nội dung: báo cáo hoạt động năm 2024, phê duyệt kế hoạch ngân sách năm 2025, phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và kế hoạch trả cổ tức năm 2024. Một số nội dung chủ yếu như sau:

1/ Thông qua tình hình thực hiện vốn năm 2024: Trong năm 2024, Công ty đã trả nợ gốc được 46,89 triệu USD và trả lãi vay là 35,11 triệu USD. Dư nợ đến cuối năm 2024 là 398,53 triệu USD.

2/ Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động năm 2025 như sau:

- **Doanh thu điện:** Sản lượng điện dự kiến là 1.823 GWh. Dựa trên điều này, doanh thu điện dự kiến là 126,68 triệu USD.
- **Chi phí vận hành:** Năm 2025 ước tính chi phí vận hành là 40,73 triệu USD. Trong đó các chi phí chủ yếu bao gồm: 0,71 triệu USD chi phí vật tư; 10,54 triệu USD lương nhân viên; 26,61 triệu USD chi phí khác (các loại chi phí sản xuất hàng ngày, phí bảo hiểm và v.v...) và 2,37 triệu USD chi phí đại tu; 1,85 triệu USD chi phí dự phòng tài chính
- **Chi phí lãi vay:** Khoản lãi ước tính phải trả vào năm 2025 sẽ là 30,81 triệu.

3/ Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Baker Tilly Campuchia. Đến ngày 31/12/2024, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Đơn vị tính: USD

| <b>Chỉ tiêu</b>          | <b>31/12/2024</b> |
|--------------------------|-------------------|
| Tổng tài sản             | 770.581.937       |
| Tổng nợ phải trả         | 477.055.483       |
| Vốn cổ phần              | 1.000.000         |
| Thặng dư vốn cổ phần     | 131.063.200       |
| Dự trữ pháp định         | 100.000           |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 161.363.254       |

Năm 2024, Nhà máy Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát và hòa lưới 1.726,34 GWh, lợi nhuận sau thuế là 45,745 triệu USD. Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2024 là 20 triệu USD và lợi nhuận giữ lại lũy kế đến cuối năm là 161,36 triệu USD.

4/ Phân phối lợi nhuận: Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, các cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận là 35 triệu USD. Trong đó Công ty CP EVN Quốc tế đã hưởng 3,5 triệu USD, khoản cổ tức này đã được thanh toán trong năm 2025.

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | <b>31/12/2025</b>  | <b>01/01/2025</b>  |
|--|--------------------|--------------------|
| Viện năng lượng                              | 509.500.000        | 509.500.000        |
| CN Miền Trung - Công ty CP Năng Lượng        | 111.780.000        | -                  |
| Công Ty TNHH Kiến trúc và Xây dựng Trúc Việt | 89.631.550         | -                  |
| Phải trả người bán khác                      | 29.032.600         | 12.756.800         |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>739.944.150</b> | <b>522.256.800</b> |

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|  | <b>31/12/2025</b>    | <b>01/01/2025</b>  |
|--|----------------------|--------------------|
| BQL dự án các công trình Điện Miền Trung (Bên liên quan) | 868.602.757          | 243.328.738        |
| Công ty truyền tải điện 1 (Bên liên quan)                | 149.090.909          | -                  |
| Người mua trả tiền trước khác                            | -                    | 2.160.000          |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.017.693.666</b> | <b>245.488.738</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                             | Số dư phải thu đầu năm | Số dư phải trả đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số thực nộp trong năm | Số dư phải thu cuối năm | Số dư phải trả cuối năm |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|
| Thuế GTGT                   | -                      | 221.565.575            | 589.122.332           | 320.613.481           | -                       | 490.074.426             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 14.874.158             | -                      | -                     | -                     | 14.874.158              | -                       |
| Thuế thu nhập cá nhân       | -                      | 262.299.745            | 830.166.220           | 859.214.101           | -                       | 233.251.864             |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | -                      | -                      | 38.195.492            | 38.195.492            | -                       | -                       |
| Phí và lệ phí               | -                      | -                      | 3.000.000             | 3.000.000             | -                       | -                       |
| <b>Cộng</b>                 | <b>14.874.158</b>      | <b>483.865.320</b>     | <b>1.460.484.044</b>  | <b>1.221.023.074</b>  | <b>14.874.158</b>       | <b>723.326.290</b>      |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|   | 31/12/2025        | 01/01/2025        |
|---|-------------------|-------------------|
| Chi phí tiền điện, nước sạch và vệ sinh | 11.651.563        | 10.518.990        |
| Chi phí chưa có hóa đơn                 | -                 | 7.525.926         |
| <b>Cộng</b>                             | <b>11.651.563</b> | <b>18.044.916</b> |

**20. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

|   | 31/12/2025           | 01/01/2025            |
|---|----------------------|-----------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược (Đặt cọc thuê văn phòng) | 39.710.000           | 45.950.000            |
| Cổ tức phải trả                               | 6.587.982.070        | 29.079.933.490        |
| Thù lao HĐQT và BKS                           | 344.500.000          | 94.488.000            |
| Các khoản khác                                | 212.102.000          | 33.637.000            |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>7.184.294.070</b> | <b>29.254.008.490</b> |

**b. Dài hạn**

|   | 31/12/2025        | 01/01/2025        |
|---|-------------------|-------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng) | 39.480.000        | 40.490.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>39.480.000</b> | <b>40.490.000</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

|                             | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | LNST<br>chưa phân phối | Cộng                   |
|-----------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Số dư tại 01/01/2024</b> | <b>366.771.450.000</b>    | <b>60.096.045.939</b>  | <b>426.867.495.939</b> |
| Tăng trong năm              | -                         | 50.480.655.447         | 50.480.655.447         |
| Giảm trong năm              | -                         | 86.432.155.553         | 86.432.155.553         |
| <b>Số dư tại 31/12/2024</b> | <b>366.771.450.000</b>    | <b>24.144.545.833</b>  | <b>390.915.995.833</b> |
| <b>Số dư tại 01/01/2025</b> | <b>366.771.450.000</b>    | <b>24.144.545.833</b>  | <b>390.915.995.833</b> |
| Tăng trong năm              | -                         | 54.082.961.458         | 54.082.961.458         |
| Giảm trong năm              | -                         | 2.959.805.000          | 2.959.805.000          |
| <b>Số dư tại 31/12/2025</b> | <b>366.771.450.000</b>    | <b>75.267.702.291</b>  | <b>442.039.152.291</b> |

**b. Cổ phiếu**

|  | 31/12/2025<br>Cổ phiếu | 01/01/2025<br>Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                  | 36.677.145             | 36.677.145             |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng               | 36.677.145             | 36.677.145             |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 36.677.145             | 36.677.145             |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)        | -                      | -                      |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | -                      | -                      |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                      | 36.677.145             | 36.677.145             |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 36.677.145             | 36.677.145             |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND           |                        |                        |

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

|   | Năm 2025              | Năm 2024              |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang                  | 24.144.545.833        | 60.096.045.939        |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này | 54.082.961.458        | 50.480.655.447        |
| Phân phối lợi nhuận                             | 2.959.805.000         | 86.432.155.553        |
| Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)                | 2.959.805.000         | 38.751.867.053        |
| - Trả cổ tức bằng tiền                          | -                     | 36.677.145.000        |
| - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                | 2.563.772.000         | 1.762.427.428         |
| - Quỹ thưởng người quản lý                      | 396.033.000           | 312.294.625           |
| Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này                  | -                     | 47.680.288.500        |
| - Trả cổ tức bằng tiền                          | -                     | 47.680.288.500        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>        | <b>75.267.702.291</b> | <b>24.144.545.833</b> |

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

08/05/2025.

**d. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 08/05/2025 đã thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với mức chi trả là 13%/ vốn điều lệ (tương ứng 47.680.288.500 đồng). Theo đó, Công ty đã chi trả số cổ tức này trong 2 đợt như sau.

- Tạm ứng cổ tức đợt 1 của năm 2024 với tỷ lệ 7%/Vốn điều lệ (tương ứng 25.674.001.500 đồng) theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 56/NQ-HDQT ngày 26/09/2024 đã được chi trả vào ngày 26/12/2024
- Tạm ứng cổ tức đợt 2 của năm 2024 với tỷ lệ 6%/ Vốn điều lệ (tương ứng 22.006.287.000 đồng) theo Nghị quyết số 72/NQ-HDQT ngày 05/12/2024, ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 27/12/2024, đã được chi trả vào ngày 14/08/2025.

**22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|  | Năm 2025              | Năm 2024              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA | 10.611.812.856        | 9.965.535.684         |
| Doanh thu cho thuê văn phòng                   | 1.060.963.656         | 1.005.986.666         |
| Doanh thu khác                                 | -                     | 1.388.889             |
| <b>Cộng</b>                                    | <b>11.672.776.512</b> | <b>10.972.911.239</b> |

**23. Giá vốn hàng bán**

|  | Năm 2025              | Năm 2024             |
|--|-----------------------|----------------------|
| Giá vốn dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA | 9.526.437.837         | 8.500.052.411        |
| Giá vốn cho thuê văn phòng                   | 500.894.496           | 546.643.808          |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>10.027.332.333</b> | <b>9.046.696.219</b> |

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

|  | Năm 2025              | Năm 2024              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi                               | 5.746.587.765         | 5.991.322.862         |
| Chiết khấu thanh toán                      | 1.923.400             | -                     |
| Lãi chậm thanh toán                        | 789.166               | 417.005               |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia                | 90.896.200.000        | 61.980.000.000        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán     | 13.619.231            | 59.515.304            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ | 4.689                 | 109.874               |
| <b>Cộng</b>                                | <b>96.659.124.251</b> | <b>68.031.365.045</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. Chi phí hoạt động tài chính**

|   | Năm 2025              | Năm 2024             |
|---|-----------------------|----------------------|
| Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia (*) | 12.724.780.000        | 8.677.200.000        |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ                              | 43.530                | 135.408.684          |
| <b>Cộng</b>   | <b>12.724.823.530</b> | <b>8.812.608.684</b> |

(\*) Là thuế đánh trên phần cổ tức chuyển về nước (14% cổ tức thực chuyển) mà Chính phủ Campuchia đã khấu trừ khi Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 chuyển trả cổ tức cho Công ty.

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | Năm 2025              | Năm 2024              |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | 349.676.012           | 207.611.064           |
| Lương và các khoản trích theo lương      | 8.911.627.020         | 5.401.151.280         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định         | 384.339.492           | 231.028.623           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                | 2.189.696.016         | 2.418.854.709         |
| Chi phí bằng tiền khác                   | 3.715.228.398         | 2.442.062.394         |
| <b>Cộng</b>                              | <b>15.550.566.938</b> | <b>10.700.708.070</b> |

**27. Thu nhập khác**

|  | Năm 2025           | Năm 2024          |
|--|--------------------|-------------------|
| Thu nhập thanh lý, nhượng bán thẻ Golf | 408.659.091        | -                 |
| Thu tiền đảm bảo gói thầu              | 37.983.000         | -                 |
| Các khoản khác                         | 20.000             | 38.742.082        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>446.662.091</b> | <b>38.742.082</b> |

**28. Chi phí khác**

|                     | Năm 2025              | Năm 2024 |
|---------------------|-----------------------|----------|
| Chi phí xử lý dự án | 15.953.141.751        | -        |
| Giá vốn thẻ Golf    | 408.657.400           | -        |
| Chi phí khác        | 3.073.619             | -        |
| <b>Cộng</b>         | <b>16.364.872.770</b> | <b>-</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|   | Năm 2025              | Năm 2024              |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>  | <b>54.082.961.458</b> | <b>50.483.005.393</b> |
| - Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh  | (24.088.458.542)      | (2.819.794.607)       |
| - Lợi nhuận từ cổ tức nhận được từ nước ngoài   | 78.171.420.000        | 53.302.800.000        |
| <b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>  | <b>29.041.148.613</b> | <b>8.950.164.318</b>  |
| - Điều chỉnh tăng   | 29.041.148.613        | 8.950.164.318         |
| + Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành  | 331.080.000           | 204.912.000           |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ  | 32.146.862            | 68.052.318            |
| + Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia                                       | 12.724.780.000        | 8.677.200.000         |
| + Chi phí xử lý dự án   | 15.953.141.751        | -                     |
| - Điều chỉnh giảm   | -                     | -                     |
| <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>  | <b>83.124.110.071</b> | <b>59.433.169.711</b> |
| - Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh   | (23.725.231.680)      | (2.546.830.289)       |
| - Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài  | 90.896.200.000        | 61.980.000.000        |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   | <b>18.179.240.000</b> | <b>12.396.000.000</b> |
| - Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%)   | -                     | -                     |
| - Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài (20%)  | 18.179.240.000        | 12.396.000.000        |
| <b>Thuế TNDN được miễn, khấu trừ thuế đã nộp ở NN</b>   | <b>18.179.240.000</b> | <b>12.396.000.000</b> |
| - Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài   | -                     | -                     |
| - Miễn thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài (*)  | 18.179.240.000        | 12.396.000.000        |
| Thuế TNDN phải nộp  | -                     | -                     |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>-</b>              | <b>2.349.946</b>      |
| <b>Trong đó:</b>  |                       |                       |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này  | -                     | -                     |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | -                     | 2.349.946             |

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn nộp đối với cổ tức nhận được từ đầu tư vốn tại Vương quốc Campuchia theo Hiệp định ký ngày 31/3/2018 giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia về tránh đánh thuế 02 lần.

**30. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

|   | Năm 2025       | Năm 2024        |
|---|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | 54.082.961.458 | 50.480.655.447  |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế                            | -              | (2.959.805.000) |
| - Điều chỉnh tăng   | -              | -               |
| - Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao, lương HĐQT, BKS và Ban TGD) | -              | 2.959.805.000   |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông                               | 54.082.961.458 | 47.520.850.447  |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ                           | 36.677.145     | 36.677.145      |
| <b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>                                     | <b>1.475</b>   | <b>1.296</b>    |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu” năm 2024 thay đổi do Công ty điều chỉnh các khoản giảm trừ (Quỹ khen thưởng, phúc lợi) vào Lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2025 có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sắp đến về Quỹ khen thưởng, phúc lợi

**31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2025              | Năm 2024              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 440.520.800           | 258.086.757           |
| Chi phí nhân công                | 14.886.879.420        | 10.587.598.280        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 507.464.148           | 360.359.032           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.809.593.140         | 3.039.244.731         |
| Chi phí khác                     | 8.203.754.395         | 6.569.700.758         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>26.848.211.903</b> | <b>20.814.989.558</b> |

**32. Thông tin về các dự án/khoản đầu tư và đánh giá của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các dự án**

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thi công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia được giao cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế - EVNI) tiếp tục thực hiện các công tác quản lý dự án, đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện các dự án này đến 30/06/2024 được tóm tắt như sau:

(1) *Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đấu nối*: Đây là dự án thủy điện có công suất 400MW, nằm ở hợp lưu sông Sê San và Sông Srepok thuộc huyện Sê San tỉnh Stung Treng, Vương quốc Campuchia và là dự án thủy điện lớn nhất hiện nay của Campuchia. Tổng chi phí đầu tư của EVNI cho công tác lập kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hoàn thành hồ sơ kỹ thuật của Dự án là 231.146.788.190 đồng. Theo Biên bản làm việc ngày 28/8/2012, biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2012 giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (là pháp nhân do 2 bên góp vốn thành lập để thực hiện đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê san 2, gọi tắt là công ty dự án), các bên đã chấp thuận EVNI tham gia 10% vốn chủ sở hữu trong dự án thủy điện Hạ Sê San 2 cũng như trong công ty dự án (tỷ lệ 10% này là cố định đối với mọi sự tăng, giảm của tổng mức đầu tư và/hoặc vốn chủ sở hữu thực hiện của dự án và/hoặc Công ty dự án và không thay đổi trong toàn bộ vòng đời của công ty dự án). Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà EVNI đã thực hiện cho dự án. Theo đó, EVNI phải chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án. Ngày 5/11/2012, EVNI đã bàn giao tất cả các tài liệu nêu trên cho Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát điện thương mại giữa tháng 12/2018 và chỉ qua 07 năm hoạt động lũy kế cổ tức của các năm 2019-2025 mà Công ty đã nhận được là 20,468 triệu USD tương đương 485,764 tỷ đồng (đạt 210,2% giá trị vốn Công ty đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2). Hiện nay, nhà máy đã hoạt động ổn định và trong các năm tới dự án chắc chắn tiếp tục sinh lời.

(2) *Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5*: Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án (sau đây gọi tắt là “MoU”) của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 là 24.313.325.211

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

đồng. Ngày 16/06/2016, Công ty đã có công văn số 115/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2018. Ngày 05/10/2016, Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đã có văn bản số 1135 GDE gửi đến Công ty yêu cầu nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm) để được gia hạn và hình thức nộp bằng tiền mặt. Ngày 21/09/2017, Công ty đã có công văn số 186/CV-EVNI-TH đề nghị MME gia hạn MoU đến 30/09/2018 và xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam đồng thời chấp thuận gia hạn MoU của dự án và tổ chức báo cáo FS của dự án. Ngày 10/06/2019, Công ty đã có công văn số 159A/ EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, phía MME chưa có ý kiến trả lời đối với đề nghị của Công ty.

Ban điều hành Công ty cũng tăng cường trao đổi thông tin với Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) để được giới thiệu tìm kiếm đối tác chuyên giao dự án.

### **Đánh giá của Công ty về dự án đang đầu tư dở dang:**

Thực tế cho thấy, việc thực hiện đầu tư các dự án điện tại nước ngoài sẽ bị tác động bởi quá trình phát triển kinh tế xã hội của nước sở tại (nhu cầu điện gắn liền với tốc độ phát triển kinh tế xã hội qua các năm); Ngoài ra, còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị và mục tiêu đầu tư ban đầu của EVNI (đưa điện về Việt Nam). EVNI cho rằng xu thế phát triển tất yếu của kinh tế xã hội sẽ làm nhu cầu về điện ngày càng tăng cao (như thực trạng thị trường điện tại Việt Nam hiện nay), khi các dự án nguồn điện cạn kiệt thì các nhà đầu tư sẽ tiếp tục quan tâm tìm kiếm các dự án thủy điện (năng lượng sạch). Đây sẽ là điều kiện để EVNI thực hiện chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Là đơn vị chuyên ngành về điện năng và có nhiều năm nghiên cứu về thị trường điện, EVNI cho rằng các dự án thủy điện nêu trên vẫn có khả năng thu được lợi ích trong tương lai, thu hồi các chi phí đã thực hiện và đem lại hiệu quả (như dự án thủy điện Hạ Sê San 2 mà EVNI đã thực hiện đầu tư).

Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi, xem xét, đánh giá các tín hiệu tích cực về các dự án thủy điện nêu trên và xây dựng phương án trình các cấp có thẩm quyền đầu tư hoặc chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Công tác triển khai, tìm kiếm đối tác thích hợp để chuyển giao không dễ dàng và có thể kéo dài nhưng với kinh nghiệm quản lý dự án nhiều năm Công ty cho rằng tính khả thi và hiệu quả của mỗi dự án đều rất tốt nên vẫn có khả năng tìm được đối tác thích hợp trong việc hợp tác, chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Và rủi ro tổn thất đối với các chi phí đã bỏ ra là không chắc chắn. Do đó, EVNI không ghi nhận chi phí đầu tư vào dự án nêu trên như là khoản tổn thất trong giai đoạn hiện nay.

### **33. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

#### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do có các giao dịch nhận cổ tức từ các khoản đầu tư ở nước ngoài bằng ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

khi có biến động về tỷ giá khi quy đổi về đồng tiền ghi sổ. Tuy nhiên, việc giao dịch chuyển đổi tiền tệ với ngân hàng được thực hiện trong thời gian ngắn nên Công ty cho rằng các biến động dẫn đến rủi ro về tỷ giá là ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu đối với hoạt động tư vấn, giám sát chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty lớn, uy tín. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền kịp thời, do đó Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| <b>31/12/2025</b>        | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b> | <b>Tổng</b>           |
|--------------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán       | 739.944.150            | -                 | 739.944.150           |
| Chi phí phải trả         | 11.651.563             | -                 | 11.651.563            |
| Vay và nợ thuê tài chính | 16.000                 | -                 | 16.000                |
| Phải trả khác            | 7.184.294.070          | 39.480.000        | 7.223.774.070         |
| <b>Cộng</b>              | <b>7.935.905.783</b>   | <b>39.480.000</b> | <b>7.975.385.783</b>  |
| <b>01/01/2025</b>        | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b> | <b>Tổng</b>           |
| Phải trả người bán       | 522.256.800            | -                 | 522.256.800           |
| Chi phí phải trả         | 18.044.916             | -                 | 18.044.916            |
| Phải trả khác            | 29.254.008.490         | 40.490.000        | 29.294.498.490        |
| <b>Cộng</b>              | <b>29.794.310.206</b>  | <b>40.490.000</b> | <b>29.834.800.206</b> |

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

| <b>31/12/2025</b>                  | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b>      | <b>Tổng</b>            |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.154.814.342          | -                      | 9.154.814.342          |
| Phải thu khách hàng                | 7.428.790.490          | -                      | 7.428.790.490          |
| Đầu tư tài chính                   | 135.100.000.000        | 231.146.788.190        | 366.246.788.190        |
| Phải thu khác                      | 2.146.508.014          | -                      | 2.146.508.014          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>153.830.112.846</b> | <b>231.146.788.190</b> | <b>384.976.901.036</b> |
| <b>01/01/2025</b>                  | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b>      | <b>Tổng</b>            |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.817.461.099          | -                      | 3.817.461.099          |
| Phải thu khách hàng                | 5.812.372.099          | -                      | 5.812.372.099          |
| Đầu tư tài chính                   | 91.200.000.000         | 231.146.788.190        | 322.346.788.190        |
| Phải thu khác                      | 2.112.006.503          | -                      | 2.112.006.503          |
| <b>Cộng</b>                        | <b>102.941.839.701</b> | <b>231.146.788.190</b> | <b>334.088.627.891</b> |

**34. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là là Quản lý dự án và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**35. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

| <b>Bên liên quan</b>                                   | <b>Mối quan hệ</b>                             |
|--|--|
| Tổng Công ty Phát điện 1                               | Công ty đầu tư                                 |
| Ngân hàng TMCP An Bình                                 | Công ty đầu tư                                 |
| Công ty Nhiệt điện Phả Lại                             | Công ty đầu tư                                 |
| Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam                   | Công ty đầu tư                                 |
| Công ty Thủy điện Bản vẽ - CN Tổng Công ty Phát điện 1 | Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư           |
| Công ty CP Thủy điện A Vương                           | Chung công ty đầu tư                           |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung                | Chung công ty đầu tư                           |
| -Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia                 |  |
| Ban QLDA Truyền tải điện - Chi nhánh                   | Chung công ty đầu tư                           |
| Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia                  |  |
| Công ty truyền tải điện 1 - Tổng công ty               | Chung công ty đầu tư                           |
| Công ty TNHH ĐTXD Eicon Solar                          | Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Xây dựng Eicon                            | Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Dịch vụ thương mại TKP                    | Công ty được đầu tư của người quản lý chủ chốt |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan**

| Bên liên quan   | Nội dung giao dịch                | Năm 2025        | Năm 2024       |
|---|-----------------------------------|-----------------|----------------|
| <b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   |                                   |                 |                |
| Ban QLDA các công trình điện miền Trung - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia | Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát | 7.462.964.242   | 8.564.616.002  |
| Ban QLDA Truyền tải điện - Chi nhánh Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia      | Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát | 897.381.818     | 423.190.227    |
| Công ty truyền tải điện 1 - Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia               | Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát | -               | 954.545.455    |
| Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương   | Cho thuê bãi đậu xe               | 87.272.724      | 87.272.724     |
| <b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>  |                                   |                 |                |
| Công ty Thủy điện Bán vẽ - CN Tổng Công ty Phát điện 1                          | Thuê nhân sự tham gia giám sát    | -               | 213.000.000    |
| Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương   | Thuê nhân sự tham gia giám sát    | -               | 144.000.000    |
| Ngân hàng TMCP An Bình  | Gửi tiền tiết kiệm                | 157.900.000.000 | 85.500.000.000 |
|   | Tất toán tiền gửi                 | 102.700.000.000 | 66.070.000.000 |
|   | Lãi nhận được từ tiền gửi         | 4.495.274.376   | 3.374.013.366  |
|   | Phí bảo lãnh                      | -               | 2.931.996      |

**c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

| Chức vụ                                    | Năm 2025             | Năm 2024             |             |
|--|----------------------|----------------------|-------------|
| <b>Hội đồng quản trị</b>                   | <b>1.216.587.000</b> | <b>994.122.000</b>   |             |
| Ông Trương Quang Minh                      | Chủ tịch             | 859.893.000          | 756.381.000 |
| Ông Nguyễn Quang Huy                       | Thành viên           | 118.898.000          | 79.247.000  |
| Bà Nguyễn Thị Hương                        | Thành viên           | 118.898.000          | 79.247.000  |
| Ông Lê Duy Thanh                           | Thành viên           | 118.898.000          | 79.247.000  |
| <b>Ban kiểm soát</b>                       | <b>357.217.000</b>   | <b>206.139.000</b>   |             |
| Ông Đỗ Quang Minh                          | Nguyên Trưởng ban    | 120.020.000          | 74.019.000  |
| Ông Nguyễn Thành Lương                     | Trưởng ban           | 2.818.000            | -           |
| Bà Đinh Hải Ninh                           | Nguyên Trưởng ban    | -                    | 5.226.000   |
| Bà Nguyễn Thị Huyền                        | Thành viên           | 117.189.500          | 63.447.000  |
| Bà Vũ Hương Trà                            | Thành viên           | 117.189.500          | 63.447.000  |
| <b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b> | <b>1.752.727.000</b> | <b>1.730.868.000</b> |             |
| Ông Lê Vũ Ninh                             | Tổng giám đốc        | 761.145.000          | 702.368.000 |
| Ông Lê Thanh Khoa                          | Phó Tổng giám đốc    | 605.004.000          | 583.650.000 |
| Bà Phạm Thị Thủy                           | Kế toán trưởng       | 386.578.000          | 444.850.000 |

Tổng số thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách và Ban kiểm soát được Đại hội đồng Cổ đông 2025 thông qua là 361.680.000 đồng. Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2025, Công ty đã ghi nhận thù lao vào Báo cáo tài chính năm 2025 là 666.100.000 đồng. Số liệu này sẽ được trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026 sắp đến.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### 37. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi AAC.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Trương Quang Minh**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026

**Kế toán trưởng**

**Phạm Thị Thủy**

**Người lập biểu**

**Trần Vũ Quốc Tài**

T H H H H

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Nghị định 248/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ v/v hướng dẫn quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ v/v Hướng dẫn quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Với kết quả sản xuất kinh doanh theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Hội đồng quản trị Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

**I. Phương án phân phối lợi nhuận và các quỹ:**

ĐVT: đồng.


| TT        | Nội dung                                      | Giá trị               | Ghi chú  |
|-----------|---|-----------------------|--|
| <b>I</b>  | <b>Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối</b> | <b>75.267.702.291</b> |  |
| 1         | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay               | 54.082.961.458        |  |
| 2         | Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm trước     | 21.184.740.833        |  |
| <b>II</b> | <b>Phân phối lợi nhuận trích các quỹ</b>      | <b>3.512.406.000</b>  | Khoản 2, Điều 29 NĐ366: 3 tháng TLBQ thực hiện   |
| 1         | Quỹ phúc lợi                                  | 1.756.203.000         | 50%*3 tháng tiền lương, thù lao BQ thực hiện năm 2025  |
| 2         | Quỹ khen thưởng                               | 1.756.203.000         | 50%*3 tháng tiền lương, thù lao BQ thực hiện năm 2025  |
| a         | Quỹ khen thưởng NLD, CBQL                     | 1.529.976.000         | 50%*3 tháng TLBQ thực hiện năm 2025 của LND  |
| b         | Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS                     | 226.227.000           | Điều 8 Nghị định 248/NĐ-CP ngày 15/9/2025 và Điểm b, Khoản 2, Điều 29 Nghị định số 366/NĐ-CP ngày 31/12/2025 |

|            |  |                       |   |
|------------|--|-----------------------|---|
| -          | Chủ tịch HĐQT chuyên trách                           | 142.965.000           | 50%*3 tháng tiền lương BQ thực hiện của CT HĐQT   |
| -          | Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách              | 83.262.000            | 50%*3 tháng thù lao BQ thực hiện của HĐQT, BKS không chuyên trách                             |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ</b>       | <b>71.755.296.291</b> |   |
| <b>IV</b>  | <b>Lợi nhuận chưa phân phối chia cổ tức năm 2025</b> | <b>36.677.145.000</b> |   |
| 1          | Số cổ phiếu chia cổ tức                              | 36.677.145            |   |
| 2          | Tỷ lệ chia cổ tức                                    | 10,0%                 |   |
| 3          | Giá trị chia cổ tức                                  | 36.677.145.000        |   |
| 4          | Hình thức chi cổ tức                                 | Tiền mặt              |   |
| 5          | Thời gian chi trả                                    | Tháng 8/2026          |   |
| <b>V</b>   | <b>Lợi nhuận chưa phân phối để lại năm nay</b>       | <b>35.078.151.291</b> |   |
| -          | Giữ lại để hồi vốn chủ của dự án HSS2                | 34.668.000.000        | Giữ lại để hồi vốn chủ của dự án HSS2 '(BOT 40 năm, trích BQ 5,778 tỷ/1 năm; 6 năm 34,668 tỷ) |

## II. Phương thức chi trả cổ tức:

- Tổng số tiền trả cổ tức : **36.677.145.000** đồng.
- Hình thức trả : Bằng tiền.
- Thời gian chi trả cổ tức: tháng 8/2026;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua

Trân trọng./. 

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCKT, Thư ký.

**CHỦ TỊCH**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trương Quang Minh**

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và  
kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 v/v Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 v/v Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, Người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2026 với các nội dung như sau:

**I. Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025:**

Năm 2025, EVNI đã hoàn thành vượt kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 162% kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu: 108,75 tỷ đồng đạt 174% kế hoạch

- Nộp ngân sách nhà nước: 1,221 tỷ đồng

- Lợi nhuận: 50,08 tỷ đồng, đạt 162% kế hoạch

- Tỷ lệ cổ tức: 10% đạt 100% kế hoạch

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán mức thù lao HĐQT và BKS năm 2025 như sau:

| TT | Chức vụ                   | Số lượng | Số tháng | Thù lao tháng (đồng) | Thù lao KH năm 2025 (đồng) | Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 (đồng) |
|----|---------------------------|----------|----------|----------------------|----------------------------|--|
| 1  | Ủy viên HĐQT (kiêm nhiệm) | 3        | 12       | 5.382.000            | 193.752.000                | 331.080.000                                    |
| 2  | Trưởng Ban Kiểm soát      | 1        | 12       | 5.382.000            | 64.584.000                 | 114.300.000                                    |

| TT | Chức vụ                  | Số lượng | Số tháng | Thù lao tháng (đồng) | Thù lao KH năm 2025 (đồng) | Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 (đồng) |
|----|--------------------------|----------|----------|----------------------|----------------------------|--|
| 3  | Thành viên Ban Kiểm soát | 2        | 12       | 4.306.000            | 103.344.000                | 220.720.000                                    |
|    | <b>Tổng cộng:</b>        |          |          |                      | <b>361.680.000</b>         | <b>666.100.000</b>                             |


## II. Kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026:

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2026, kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2026 được xây dựng như sau:

| STT | Chức vụ                                       | Số lượng | Thù lao tháng (đồng) | Số tháng | Thù lao năm 2026 (đồng) |
|-----|---|----------|----------------------|----------|-------------------------|
| 1   | Ủy viên HĐQT<br>( <i>kiêm nhiệm</i> )         | 4        | 12.000.000           | 12       | 576.000.000             |
| 2   | Trưởng Ban kiểm soát<br>( <i>kiêm nhiệm</i> ) | 1        | 12.400.000           | 12       | 148.800.000             |
| 3   | Kiểm soát viên ( <i>kiêm nhiệm</i> )          | 2        | 12.000.000           | 12       | 288.000.000             |
|     | <b>Tổng cộng</b>                              | <b>7</b> |                      |          | <b>1.012.800.000</b>    |

(Thành viên HĐQT đồng thời là thành viên Ban điều hành được hưởng thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách theo quy định tại Điều 3 Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TH, Thư ký.

**CHỦ TỊCH**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trương Quang Minh**

## TỜ TRÌNH

**V/v: Chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5 (Campuchia)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua nội dung chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5 (Campuchia) để trình ĐHĐCĐ với các nội dung như sau:

### **A. Cơ sở pháp lý:**

A.1: Luật đầu tư: Số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020:

- Điều 48: Chấm dứt hợp đồng đầu tư:

Khoản 1, Tại điểm a: “*Nhà đầu tư chấm dứt hoạt động đầu tư, dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư*”.

- Điều 59: Quyết định đầu tư ra nước ngoài

1. *Việc quyết định đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.*

2. *Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Doanh nghiệp.*

3. *Nhà đầu tư, cơ quan quyết định việc đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với việc đầu tư ra nước ngoài.*

A.2: Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Đầu tư: Số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021:

- Điều 57. Điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư: tại các khoản:

1. *Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động trong các trường hợp quy định tại các*

*khoản 1 và 2 Điều 48 của Luật Đầu tư.*

*2. Việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục sau:*

*a) Trường hợp tự quyết định **chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).*

*8. Sau khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động, việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện như sau:*

*a) Nhà đầu tư tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản”.*

A.3: Luật xây dựng: Số 50/2014/QH13:

Điều 72: Khoản 1, Điểm c: Người quyết định đầu tư xây dựng có quyền: *“Đình chỉ thực hiện dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt hoặc đang triển khai thực hiện khi thấy cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật”.*

A.4: Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021:

Điều 35: Quyết toán vốn đầu tư xây dựng: tại các khoản:

*“1. Dự án đầu tư xây dựng phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn khi cấp có thẩm quyền có văn bản **dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện dự án.***

*10. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư:*

*b) Đối với các dự án còn lại, người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành”.*

A.5: Thông tư Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp số 99/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính:

Tại khoản mục tài khoản 241 – Xây dựng cơ bản dở dang: *“Trường hợp dự án đầu tư bị hủy bỏ hoặc tổn thất, doanh nghiệp phải tiến hành thanh lý và thu hồi các chi phí đã phát sinh của dự án. Phần chênh lệch giữa chi phí đầu tư thực tế phát sinh và số thu từ việc thanh lý được ghi nhận vào chi phí khác hoặc xác định trách nhiệm bồi thường của tổ chức, cá nhân để thu hồi”.*

Nghị quyết số: 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế. Trong đó, thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty với mục tiêu tập trung nguồn lực để khởi công dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Đối với các dự án: Hạ Sê San 1/ Sê San 5; Sê Kông (Campuchia); Nậm Mô 1 (Lào) *“Chỉ dừng lại ở bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức báo cáo, hoàn tất đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu xếp vốn, tìm kiếm thêm các đối tác đầu tư; báo cáo cổ đông thống nhất mới triển khai bước tiếp theo”.* Do đó, từ năm 2011 cho đến nay các dự án chỉ dừng lại các bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tìm kiếm các đối tác để hợp tác và chuyển giao (không phát sinh các chi phí).

## **B. Tình hình thực hiện:**

- Dự án có công suất 96MW; Chi phí đã thực hiện: 24,31 tỷ đồng/3.596 tỷ

đồng;

- Dự án đã hoàn thành lập BCNCKT từ 2014, chưa phê duyệt DADT;
- Dự án chưa được Chính phủ CPC cấp phép đầu tư và Chính phủ VN cấp Giấy chứng nhận đầu tư;
- Đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập về chi phí thực hiện đầu tư tháng 12/2021;

MOU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Để được gia hạn MOU của dự án thì EVNI cần phải nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm). Việc thanh toán được thực hiện bằng đồng Đô la Mỹ dưới hình thức tiền mặt. Qua đó, EVNI đã có các văn bản đề nghị MIME xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam đồng thời chấp thuận gia hạn MoU của dự án và tổ chức báo cáo FS của dự án. Tuy nhiên, đến nay phía Campuchia vẫn chưa có ý kiến phản hồi.

- Chi tiết tình hình thực hiện dự án như Phụ lục I đính kèm.

## **C. Đánh giá:**

### **1. Đánh giá:**

- Dự án Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 thực hiện phù hợp thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực Năng lượng giữa hai Chính Phủ Việt Nam và Campuchia đã được thông qua trong các phiên họp liên Chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật lần 9 (ngày 21/08/2007) và lần 10 (ngày 6/10/2008). Hai bên mong muốn hoàn thành việc nghiên cứu, đầu tư dự án trên lãnh thổ Campuchia phù hợp MoU đã ký ngày 15/06/2007; Phù hợp mục tiêu thành lập EVNI để đầu tư các dự án thủy điện tại Campuchia và Lào.

- Dự án được thực hiện theo MoU đã ký và đã được MIME gia hạn lần thứ 6 đến 30/6/2016 (văn bản số 0988/MME ngày 06/07/2015).

- Các bước triển khai được HĐQT và ĐHĐCĐ EVNI thông qua trước khi thực hiện (các NQ của ĐHĐCĐ, HĐQT liên quan đính kèm).

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 nằm trong quy hoạch Tổng sơ đồ điện VII (vận hành giai đoạn 2021-2030) (Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

- Dự án đã hoàn thành BCNCKT (FS) trình Chính phủ Campuchia xem xét thông qua trong thời hạn MoU còn hiệu lực.

### **2. Các khó khăn vướng mắc:**

- Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50 % sản lượng điện sản xuất” (thông báo số 301/TB-VPCP ngày 15/12/2011 của Văn phòng Chính phủ).

- Theo quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn năm 2011-2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh), dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 đã bị loại ra khỏi quy hoạch được duyệt.

- MoU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Để gia hạn MOU của dự án cần phải nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm, tương đương khoảng 548 triệu đồng/năm. Việc thanh toán được thực hiện bằng đồng Đô la Mỹ dưới hình thức tiền mặt (theo yêu cầu của Tổng cục Năng lượng – MIME Vương quốc Campuchia tại văn bản số 1135 GDE ngày 05/10/2016).

- Dự án làm ngập khu vực biên giới giữa Việt Nam và Campuchia nên gặp nhiều vấn đề phức tạp về môi trường, an ninh quốc phòng khu vực biên giới; vấn đề phân chia nguồn lợi tài nguyên nước; phát sinh nhiều thủ tục đầu tư do dự án cần có sự chấp thuận của Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia.

## **D. Giải pháp thực hiện:**

### ***I. Các giải pháp đã thực hiện:***

Trong thời gian qua, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để chuyển giao các dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2 nhằm thu hồi chi phí đã thực hiện của các dự án, cụ thể:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

Tuy nhiên, cho đến nay việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 vẫn chưa có kết quả do: (i) Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất”; (ii) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (iii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iv) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (v) Đầu ra giá bán điện của dự án chưa hấp dẫn nhà đầu tư...

Do đó, việc tiếp tục thực hiện các dự án trên trong thời gian đến sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi.

## **II. Kiến nghị giải pháp thực hiện:**

Từ những phân tích, đánh giá và căn cứ pháp lý nêu tại mục A ở trên, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án xử lý cụ thể như sau:

### **1. Phương án xử lý:**

Chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5 (Campuchia); thực hiện quyết toán và xử lý tài chính các dự án.

### **2. Đánh giá ưu nhược điểm phương án đề xuất:**

#### **\* Ưu điểm:**

- Phù hợp với tình hình thực tế về: (i) Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất” (thông báo số 301/TB-VPCP ngày 15/12/2011 của Văn phòng Chính phủ); (ii) MoU đã hết hiệu lực và việc các cơ quan đại diện Chính phủ Campuchia/Lào không trả lời các ý kiến, kiến nghị của EVNI trong nhiều năm qua; (iii) Kết quả công tác tìm kiếm đối tác chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư từ năm 2013 cho đến nay chưa có kết quả;

- Phù hợp với khuyến nghị của đơn vị kiểm toán đã nêu qua các kỳ soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính từ năm 2013 đến nay;

- Khắc phục được ý kiến kiểm toán ngoại trừ/nhấn mạnh của BCTC theo ý kiến của các cổ đông EVNI;

- Phù hợp với quy định kế toán về nguyên tắc thận trọng, chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí giúp cho doanh nghiệp chủ động bảo toàn nguồn vốn, hạn chế rủi ro và khả năng hoạt động liên tục;

- Chủ động trong việc lựa chọn thời điểm xử lý tài chính các dự án, góp phần giúp Công ty ổn định sản xuất và cân bằng tài chính;

- Việc xử lý được chi phí thực hiện các dự án đã hết hiệu lực MOU, không khả thi trong việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư và ý kiến ngoại trừ/nhấn mạnh trên BCTC đã tồn tại nhiều năm sẽ giảm thiểu tác động của các thông tin bất lợi, gây sự chú ý và làm ảnh hưởng đến lòng tin của các tổ chức, cổ đông quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- EVNI vẫn thực hiện các quyền của dự án để tiếp tục thực hiện việc chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư khi điều kiện thuận lợi thu hồi lại giá trị đã thực hiện theo NQ ĐHĐCĐ hàng năm.

#### **\* Nhược điểm:**

- Giảm lợi nhuận của Công ty trong năm;

- Do các khoản chi phí này đều không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNI trong kỳ, nên không được ghi nhận vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Phát sinh lợi nhuận chịu thuế TNDN khi chuyển nhượng thành công các dự án sau thời điểm dừng dự án.

### **E. Kiến nghị:**

Trên cơ sở kết quả báo cáo và đánh giá nêu trên, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua phương án xử lý đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5 với các nội dung như sau:

1. Thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5 (Campuchia) để làm cơ sở trình ĐHĐCĐ thông qua.

2. Giao HĐQT thực hiện các bước tiếp theo, cụ thể:

- Tổ chức thẩm tra, quyết định phê duyệt giá trị quyết toán kiểm toán vốn đầu tư/chi phí thực hiện đối với các khoản chi phí xây dựng dở dang các dự án nêu trên và xử lý theo quy định, đồng thời đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức không thấp hơn kế hoạch giao tại ĐHĐCĐ hằng năm.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao thu hồi chi phí đã thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TH, Thư ký.

#### **\* Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo kiểm toán dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5;
- Danh mục hồ sơ, tài liệu liên quan quá trình đầu tư các dự án và bản mềm đính kèm.

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trương Quang Minh**

## **Phụ lục 1 – Tình hình thực hiện dự án**

### **I. Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/ Sê San 5**

Dự án có quy mô công suất 96MW, TMĐT là 3.595.662.704.000 VNĐ ~ 189.745.000 USD (tỷ giá 1USD=18.950VNĐ, TMĐT lập tại thời điểm tháng 08/2011), EVNI là chủ đầu tư dự án.

Dự án được thực hiện theo biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MOU) đã ký ngày 15/06/2007 giữa EVN và MIME về việc triển khai nghiên cứu đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5.

Dự án được Công ty cổ phần EVN Campuchia (nay là EVNI) tiếp nhận bàn giao từ EVN theo văn bản số: 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và biên bản bàn giao ngày 10/10/2007. Trên cơ sở đó, EVNI và đơn vị tư vấn đã hoàn thành BCNCKT/DAĐT của dự án trình Bộ Công thương bổ sung quy hoạch.

Nội dung, phạm vi thực hiện dự án được thực hiện Nghị quyết số: 01/NQEVNI-DHĐCĐ ngày 21/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế. Trong đó, thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty với mục tiêu tập trung nguồn lực để khởi công dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Đối với các dự án: Hạ Sê San 1/ Sê San 5; Sê Kông (Campuchia); Nậm Mô 1 (Lào) “Chỉ dừng lại ở bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức báo cáo, hoàn tất đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu xếp vốn, tìm kiếm thêm các đối tác đầu tư; báo cáo cổ đông thống nhất mới triển khai bước tiếp theo”.

MOU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Để được gia hạn MOU của dự án thì EVNI cần phải nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm). Việc thanh toán được thực hiện bằng đồng Đô la Mỹ dưới hình thức tiền mặt. Qua đó, EVNI đã có các văn bản đề nghị MIME xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phân diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam đồng thời chấp thuận gia hạn MoU của dự án và tổ chức báo cáo FS của dự án.

Tuy nhiên, đến nay phía Campuchia vẫn chưa có ý kiến phản hồi. Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra (tương tự như dự án Hạ Sê San 2) được thực hiện theo Nghị quyết 02/NQ-EVNI-HĐQT ngày 07/04/2018 của Hội đồng quản trị EVNI.

Thực hiện Nghị quyết số: 23/NQ-HĐQT 22/10/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5. Theo báo cáo kiểm toán dự án của Công ty kiểm toán độc lập, tổng chi phí đầu tư đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng.

Hiện nay, Công ty đang nỗ lực để tìm kiếm các đối tác, các nhà đầu tư quan tâm để thực hiện việc chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư dự án theo Nghị quyết của HĐQT/HĐQ

**TỜ TRÌNH**  
**V/v phê duyệt kế hoạch năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Để có cơ sở thực hiện yêu cầu nhiệm vụ công tác năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

**1. Các chỉ tiêu SXKD và ĐTXD năm 2026:**

| STT      | Chỉ tiêu                                 | Giá trị (đồng)        |
|----------|--|-----------------------|
| <b>1</b> | <b>Tổng doanh thu</b>                    | <b>68.234.967.000</b> |
| 1.1      | Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty | 18.234.967.000        |
| 1.2      | Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 | 50.000.000.000        |
| <b>2</b> | <b>Tổng chi phí</b>                      | <b>33.722.275.000</b> |
| <b>3</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>              | <b>34.512.692.000</b> |
| <b>4</b> | <b>Tỷ lệ chi trả cổ tức</b>              | <b>10%</b>            |

(Chi tiết theo Thuyết minh kế hoạch năm 2026 đính kèm)

**2. Tổ chức thực hiện:**

\* Giao Ban điều hành làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2025 trong năm 2026.

\* Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại.

**\* Về đầu tư phát triển:**

Giao Ban điều hành nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện (dự án điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện rác...) để trình ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua chủ trương đầu tư hoặc hợp tác đầu tư, phù hợp với tình hình tài chính của đơn vị.

\* Đối với các dự án Hạ Sê San 1/5 và Sê Kông và Nậm Mô 1:

Ban Điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển, chuyển giao các dự án.

\* Đối với công tác tư vấn:

- Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện công tác tuyển dụng thêm nhân sự phù hợp tình hình, tiến độ thực hiện các dự án tư vấn giám sát, đáp ứng nhu cầu công việc và sử dụng nhân sự hiệu quả;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ...;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát, quyết toán chi phí thực hiện với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

- Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch năm 2026 của Công ty.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, PTH, PTCKT, Thư ký.

**CHỦ TỊCH**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trương Quang Minh**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)*

**KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC; KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2025,  
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP EVN Quốc Tế**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI/Công ty) và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026, cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ EVNI**

- EVNI hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện đầu tư các dự án năng lượng tại nước ngoài là Campuchia và Lào. Đối với mỗi dự án, EVNI tham gia góp vốn cùng các đối tác trong và ngoài nước, để trực tiếp thực hiện đầu tư và điều hành dự án.

- Cổ phiếu của EVNI đang được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), mã chứng khoán là EIC.

- Thành phần Ban Kiểm soát<sup>1</sup>:

| STT | Họ và tên          | Chức danh              | Đơn vị công tác               |
|-----|--------------------|------------------------|-------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thành Lương | Trưởng Ban (23/12-Nay) | Tổng công ty Phát điện 1      |
| 2   | Đỗ Quang Minh      | Trưởng Ban (1/1-22/12) | Tổng công ty Phát điện 1      |
| 3   | Vũ Hương Trà       | Thành viên BKS         | Ngân hàng TMCP An Bình        |
| 4   | Nguyễn Thị Huyền   | Thành viên BKS         | Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại |

<sup>1</sup> Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm, không có thành viên chuyên trách

- Tổng số CBNV Công ty đến 31/12/2025 là 34 người (tăng 2 người so với năm 2024). Thu nhập bình quân năm 2025 đạt 33,3 triệu đồng/tháng.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 CỦA BKS**

### **1. Đánh giá chung:**

BKS đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị (HDQT), TGD và đảm bảo nguyên tắc độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, trong công tác kiểm tra, giám sát và trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

HDQT, TGD phối hợp, hỗ trợ BKS thực hiện nhiệm vụ, mời BKS tham gia các cuộc họp HDQT, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng; cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của EVNI.

BKS đã thông báo cho HDQT, TGD về kế hoạch kiểm soát năm 2025, các đợt kiểm soát để phối hợp. Kết quả của từng đợt kiểm soát được gửi tới HDQT và TGD.

Năm 2025, BKS đã thực hiện đầy đủ Kế hoạch công tác với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của EVNI và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS.

Ngoài các đợt làm việc của Ban kiểm soát theo định kỳ, BKS đã tham gia các cuộc họp của HDQT, xem xét tài liệu, đóng góp ý kiến vào các vấn đề HDQT đưa ra bàn bạc.

### **2. Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của EVNI năm 2025**

Theo kế hoạch hoạt động năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 đợt kiểm soát trực tiếp và đã đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Thống nhất với ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán AAC đối với BCTC bán niên và cả năm 2025.

- Đề nghị Công ty tiếp tục làm việc, đôn đốc khách hàng để có kế hoạch, phương án thu hồi các khoản nợ quá hạn (bao gồm cả các khoản nợ quá hạn đã trích lập dự phòng).

### **3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và các kiểm soát viên:**

Trong kỳ báo cáo BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, một số kết quả cụ thể như sau:

- Hoàn thành kế hoạch kiểm soát năm 2025.

- Hoàn thành các báo cáo theo quy định: (i) Báo cáo thẩm tra BCTC bán niên và cả năm 2025; (ii) Báo cáo trình ĐHĐCĐ tại kỳ đại hội thường niên năm 2026.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HDQT.

- BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ động lớn đồng thời rà soát giám sát việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Các thành viên BKS đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS. Thống kê chương trình làm việc của BKS:

| TT | Kiểm soát viên     | Số chương trình kiểm soát tham gia | Tỷ lệ tham dự |
|----|--------------------|------------------------------------|---------------|
| 1  | Đỗ Quang Minh      | 01/02                              | 100%          |
| 2  | Nguyễn Thành Lương | 01/02                              | 100%          |
| 2  | Vũ Hương Trà       | 02/02                              | 100%          |
| 3  | Nguyễn Thị Huyền   | 02/02                              | 100%          |

#### **4. Phối hợp giữa BKS với HĐQT và Ban điều hành**

BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và Ban Điều hành, cụ thể như sau:

- BKS đã được: (i) Mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, họp kết luận kiểm toán BCTC năm 2025; (ii) Được tham gia ý kiến về tất cả các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.

- BKS nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (về quyền được cung cấp thông tin của BKS): Các Phiếu lấy ý kiến, tờ trình HĐQT, các Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty, các báo cáo/thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với HĐQT.

#### **5. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:**

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, với các thủ tục có liên quan đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của UBCK Nhà nước và các quy định tại Điều lệ Công ty, quy định về quản trị Doanh nghiệp.

- Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 15 Nghị quyết và 11 Quyết định đề TGD và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025.

- Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời BKS tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật

- Các thành viên HĐQT, BKS được thông tin đầy đủ thông qua văn bản, email hoặc điện thoại, kịp thời các hoạt động của Công ty.

- HĐQT đã điều hành linh hoạt, bám sát các hoạt động của Ban điều hành, cụ thể hoá triển khai có hiệu quả theo nội dung các nghị quyết đảm bảo lợi ích của Công ty và của các cổ đông. Trong năm 2025, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ Thông qua sửa đổi, bổ sung các quy chế về chi tiêu nội bộ, công tác đấu thầu, công bố thông tin.

+ Tạm phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2026.

+ Chi trả cổ tức cho cổ đông.

+ Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Dự án dừng thực hiện vĩnh viễn đối với 2 dự án Thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1; hạch toán toàn bộ chi phí vốn đầu tư quyết toán dự án vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025.

## **6. Kết quả giám sát hoạt động của TGD:**

TGD đã phối hợp với Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2025 đảm bảo hoạt động kinh doanh, tư vấn giám sát an toàn và kinh tế trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả, cụ thể:

### **6.1. Công tác quản lý dự án:**

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2): Năm 2025, HLSS2 đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận cho EVNI từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 với giá trị là 3,5 triệu USD (Sau khi trừ thuế phí, giá trị thực nhận là 3,010 triệu USD – tương đương 78,185 tỷ đồng). Đến nay, tổng giá trị cổ tức EVNI nhận được từ dự án lũy kế đến 31/12/2025 là 20,468 triệu USD tương đương 487,3 tỷ đồng (đạt 210,8% giá trị vốn EVNI đã đầu tư vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2).

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1: Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2.

### **6.2. Công tác tư vấn giám sát:**

Năm 2025, EVNI thực hiện 25 hợp đồng (18 hợp đồng chuyển tiếp từ các năm trước và 07 hợp đồng ký mới) với giá trị 29,04 tỷ đồng, kết quả đến 31/12/2025:

Đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán/quyết toán 10 gói thầu (bao gồm đã hoàn thành và đang thực hiện dở dang), với giá trị đã nghiệm thu thanh toán là 10,584 tỷ đồng (giá trị trước thuế) đạt 103% kế hoạch năm 2025.

### **6.3. Công tác tài chính:**

- Công tác lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm được thực hiện theo đúng quy định.

- Công ty quản lý và cân đối dòng tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông.

- Công ty tích cực làm việc, đôn đốc các Chủ đầu tư thanh toán công nợ và đã thu hồi (bao gồm khoản tạm ứng) được 10,62 tỷ đồng. Đến 31/12/2025, Số dư công nợ phải thu là 7,76 tỷ đồng (trong đó số công nợ giữ lại 5% theo Hợp đồng là 1,6 tỷ đồng).

6.4. Kết quả thực hiện các kiến nghị của BKS: TGD và Ban điều hành đã nghiêm túc tiếp thu và triển khai thực hiện các kiến nghị.

### **6.5. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

Hoạt động năm 2025 trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí đã được ĐHCĐ thông qua, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025. Một số kết quả chính: (i) Tổng doanh thu: 108,75 tỷ đồng (đạt 174% kế hoạch); Nộp ngân sách nhà nước: 1,221 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 54,08 tỷ đồng (đạt 162% kế

hoạch); Tỷ lệ cổ tức: 10%.

| TT         | Nội dung   | Kế hoạch năm 2025     | Thực hiện năm 2025     | % TH 2025/ KH 2025 |
|------------|--|-----------------------|------------------------|--------------------|
| <b>A</b>   | <b>Kế hoạch nguồn thu</b>  | <b>62.346.374.000</b> | <b>108.750.557.029</b> | <b>174%</b>        |
| <b>A.1</b> | <b>Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty</b>                            | <b>14.346.374.000</b> | <b>17.840.733.109</b>  | <b>124%</b>        |
| I          | Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty | 4.100.000.000         | 7.256.926.078          |                    |
| 1          | Doanh thu từ hoạt động tài chính   | 3.100.000.000         | 5.749.300.331          |                    |
| 2          | Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty, khác                   | 1.000.000.000         | 1.507.625.747          |                    |
| II         | Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát...)                          | 10.246.374.000        | 10.583.807.031         |                    |
| <b>A.2</b> | <b>Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2</b>                            | <b>48.000.000.000</b> | <b>90.909.823.920</b>  | <b>189%</b>        |
| <b>B</b>   | <b>Kế hoạch chi phí hoạt động</b>  | <b>29.025.926.000</b> | <b>54.667.595.571</b>  | <b>188%</b>        |
| <b>B.1</b> | <b>Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty</b>   | <b>13.084.189.000</b> | <b>16.051.461.434</b>  | <b>123%</b>        |
| 1          | Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty                   | 12.569.189.000        | 15.543.997.286         |                    |
| 2          | Chi phí khấu hao TSCĐ, nhà làm việc/văn phòng cho thuê                     | 515.000.000           | 507.464.148            |                    |
| <b>B.2</b> | <b>Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát...)</b>           | <b>9.221.737.000</b>  | <b>9.526.437.837</b>   | <b>103%</b>        |
| <b>B.3</b> | <b>Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam</b>                             | <b>6.720.000.000</b>  | <b>12.724.823.530</b>  | <b>189%</b>        |
| <b>B.4</b> | <b>Chi phí đầu tư dự án thủy điện- dừng triển khai và chi phí khác</b>     |                       | <b>16.364.872.770</b>  |                    |
| <b>C</b>   | <b>Kế hoạch lợi nhuận</b>  |                       |                        |                    |
| 1          | Lợi nhuận trước thuế   | 33.320.448.000        | 54.082.961.458         | 162%               |
| 2          | Tỷ lệ chia cổ tức (%)  | 10                    | 10                     |                    |
| 3          | Lợi nhuận phân phối cho cổ đông  | 36.677.145.000        | 36.677.145.000         | 100%               |

### III. THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 SAU KIỂM TOÁN

#### 1. Đánh giá chung:

BKS thống nhất với các ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC) tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 319/2026/BCKT-AAC ngày 20/3/2026 về báo cáo tài chính năm 2025 tại EVNI:

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần EVN Quốc tế đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Vấn đề nhấn mạnh (*Ý kiến của Kiểm toán độc lập không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này*):

Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2025 là 24.313.325.211 đồng hiện phản ánh tại khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tồn thất đối với các chi phí đầu tư của dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Không có

#### 2. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

| TT  | Chỉ tiêu               | 31/12/2025      | 1/1/2025        | Chênh lệch       |              |
|-----|------------------------|-----------------|-----------------|------------------|--------------|
|     |                        |                 |                 | +/-              | %            |
| (1) | (2)                    | (3)             | (4)             | (5)=(3)-(4)      | (5)/(4)*100% |
| 1   | Tài sản ngắn hạn       | 158.421.619.891 | 106.803.473.620 | 51.618.146.271   | 48,3%        |
| 2   | Tài sản dài hạn        | 300.028.151.282 | 316.987.734.620 | (16.959.583.338) | -5,4%        |
| 3   | Nợ phải trả            | 16.410.618.882  | 32.875.212.407  | (16.464.593.525) | -50,1%       |
| 4   | Vốn chủ sở hữu         | 442.039.152.291 | 390.915.995.833 | 51.123.156.458   | 13,1%        |
| 5   | Tổng tài sản/Nguồn vốn | 458.449.771.173 | 423.791.208.240 | 34.658.562.933   | 8,2%         |

Tổng tài sản/Nguồn vốn của EVNI tại thời điểm 31/12/2025 là 458,45 tỷ đồng, tăng 13,367 tỷ đồng (tương ứng tăng 8,2%) so với 01/01/2025, xuất phát từ:

+ Tài sản ngắn hạn tăng 51,62 tỷ đồng (tương ứng tăng 48,3%), vốn chủ sở hữu tăng 51,12 tỷ đồng (tương ứng tăng 13,1%): Chủ yếu do EVNI nhận được cổ tức từ HLSS2 đạt 78,185 tỷ đồng (tương ứng 3,010 triệu USD, thực nhận từ khoản 3,5 triệu USD trừ thuế phí) trong khi trong năm có phát sinh chi trả cổ tức chỉ 22,49 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ chia cổ tức đợt 2 năm 2024 là 6%/CP và cổ tức các năm trước một số cổ đông chưa nhận)

+ Tài sản dài hạn giảm 16,96 tỷ đồng (tương ứng giảm 5,4%): Do công ty xử lý chi phí dự án dừng đầu tư - dự án Thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1 giá trị 15,95 tỷ đồng.

+ Nợ phải trả giảm 16,46 tỷ đồng (tương ứng giảm 50,1%): Chủ yếu do EVNI thực hiện chi cổ tức đợt 2 năm 2024.

+ Vốn chủ sở hữu tăng 51,12 tỷ đồng (tương ứng tăng 13,1%): Do LNST chưa phân phối tăng 54,02 tỷ đồng và EVNI chi thực hiện trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST chưa phân phối năm trước 2,96 tỷ đồng.

## 2. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

| TT | Khoản mục chi phí           | Thành tiền (đồng) |
|----|-----------------------------|-------------------|
| 1  | Năm trước chuyển sang       | 483.865.320       |
| 2  | Phát sinh phải nộp trong kỳ | 1.460.484.044     |
| 3  | Số đã nộp trong kỳ          | 1.221.023.074     |
| 4  | Số còn phải nộp cuối kỳ     | 723.326.290       |

## 3. Hệ số phân tích tài chính:

| TT       | Chỉ tiêu                            | ĐV   | Năm 2025 | Năm 2024 | Tăng/giảm |
|----------|-------------------------------------|------|----------|----------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Cơ cấu tài sản</b>               |      |          |          |           |
|          | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản      | %    | 65,444   | 74,798   | -9,354    |
|          | - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản     | %    | 34,556   | 25,202   | 9,354     |
| <b>2</b> | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>             |      |          |          |           |
|          | - Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn      | %    | 96,420   | 92,243   | 4,177     |
|          | - Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu        | Lần  | 0,037    | 0,084    | -0,047    |
| <b>3</b> | <b>Khả năng thanh toán</b>          |      |          |          |           |
|          | - Khả năng thanh toán nhanh         | Lần  | 9,415    | 3,161    | 6,254     |
|          | - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn   | Lần  | 9,677    | 3,253    | 6,424     |
|          | - Khả năng thanh toán tổng quát     | Lần  | 27,936   | 12,891   | 15,045    |
| <b>4</b> | <b>Hiệu quả</b>                     |      |          |          |           |
|          | - Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bq ROA: | %    | 12,260   | 11,727   | 0,533     |
|          | - Tỷ suất LNST/Tổng Doanh thu ROS   | %    | 49,731   | 63,865   | -14,134   |
|          | - Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (ROE)     | %    | 12,986   | 12,346   | 0,64      |
|          | - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)    | Đồng | 1.475    | 1.296    | 179       |

Các chỉ tiêu về tài chính năm 2025 của EVNI tăng so với năm 2024 chủ yếu do LNST chưa phân phối tăng, EVNI nhận được cổ tức từ HSS2 vượt so với kế hoạch.

## IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2025 VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN DOANH NGHIỆP:

### 1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025:

| TT | Nội dung                     | Đã thực hiện | Chưa thực hiện | Ghi chú |
|----|------------------------------|--------------|----------------|---------|
| 1  | Phân phối lợi nhuận năm 2024 | X            |                |         |
| 2  | Chi trả cổ tức 2024          | X            |                |         |

|   |                                |   |  |  |
|---|--------------------------------|---|--|--|
| 3 | Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2024 | X |  |  |
|---|--------------------------------|---|--|--|

Trong đó chi tiết việc thực hiện theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2024 (NQ01) như sau:

| TT | Nội dung                         | NQ01           | Thực hiện<br>(Đã thanh toán) | Đánh giá/Ghi chú                                  |
|----|----------------------------------|----------------|------------------------------|---|
| 1  | Thù lao HĐQT và BKS 2024         | 382.488.000    | 382.488.000                  | Hoàn thành  |
| 2  | Thù lao HĐQT và BKS 2025         | 361.680.000    | 348.400.000                  | Chờ quyết toán                                    |
| 3  | Tiền thưởng Ban điều hành        | 396.033.000    | 306.811.000                  | Hoàn thành, số dư quỹ còn lại chi các năm sau     |
| 4  | Chi trả cổ tức 2024              | 47.680.288.500 | 46.583.172.385               | Một số cổ đông thể nhân chưa gửi hồ sơ thanh toán |
| 5  | Phân phối lợi nhuận các quỹ 2024 | 2.563.772.000  | 1.739.521.500                | Hoàn thành, số dư quỹ còn lại chi các năm sau     |

**2. Công bố thông tin doanh nghiệp:** EVNI đã thực hiện công bố thông tin đúng quy định của UBCKNN.

#### V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA BKS

Căn cứ kế hoạch năm 2026, BKS tiếp tục thực hiện vai trò kiểm soát theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS, bao gồm những nội dung chính:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành của HĐQT, TGD.
- Giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- Cập nhật chính sách, chế độ mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu rủi ro trong điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

*(Kế hoạch hoạt động năm 2026 sẽ được BKS xây dựng chi tiết sau)*

#### VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT, TGD và số liệu báo cáo tài chính, BKS kiến nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

- Thông qua Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của EVNI; kết quả hoạt động của HĐQT, TGD; Kết quả hoạt động năm 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của BKS.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- TGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thành Lương**

*Đà Nẵng, ngày 19 tháng 3 năm 2026*

## **TỜ TRÌNH**

Về việc: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế

### **Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (Ban hành năm 2021);

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) năm 2026 như sau:

#### **1. Về tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:**

Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh, nhu cầu kiểm toán và thông lệ thực hiện kiểm toán các năm qua tại EVNI, Ban kiểm soát đề xuất ĐHCĐ các tiêu chí để lựa chọn công ty kiểm toán độc lập như sau:

- Là công ty kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ tài chính chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết năm 2026;
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do EVNI yêu cầu.

#### **2. Đề xuất của Ban kiểm soát:**

Từ các căn cứ và đề xuất nêu trên, Ban Kiểm soát kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2026 xem xét:

- Thông qua tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nêu tại Mục 1 ở trên và danh sách 05 đơn vị kiểm toán độc lập đáp ứng các tiêu chí, gồm có:

- + Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte);
- + Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y);
- + Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC);
- + Công ty TNHH KPMG (KPMG);
- + Công ty TNHH PWC (Việt Nam).

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định hình thức lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của EVNI.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

**T.M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thành Lương**

**TỜ TRÌNH**

**V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;


Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp đầu tiên ngày 12/9/2007, sửa đổi bổ sung được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 23/06/2021.

Để Điều lệ công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung Luật doanh nghiệp tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua sửa

đổi, bổ sung “ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN Quốc tế ” như dự thảo đính kèm.

Các nội dung chính sửa đổi bổ sung Điều lệ hiện hành được lập theo Phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TH, Thư ký.

**Đính kèm:**

Dự thảo Điều lệ sửa đổi bổ sung

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trương Quang Minh**

## TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

| Khoản mục của Điều lệ  | Nội dung trong Điều lệ hiện hành   | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ   |
|------------------------|--|--|--|
| Khoản 3 Điều 2         | Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 91 - đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam  | Địa chỉ trụ sở chính: Số 145 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam   | Cập nhật theo quy định hiện hành về địa giới hành chính                        |
| Khoản 2 Điều 11        |  | a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp, khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp   | Bổ sung quyền của cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật doanh nghiệp |
| Điểm c Khoản 3 Điều 13 | Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. | Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm | Sửa đổi, bổ sung theo khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15                     |

| Khoản mục của Điều lệ  | Nội dung trong Điều lệ hiện hành  | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ   |
|------------------------|---|--|--|
|                        |   | quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.  |  |
| Điểm d Khoản 3 Điều 13 | Theo yêu cầu của Ban kiểm soát  | Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình ;   | Bổ sung làm rõ   |
| Điểm a Khoản 4 Điều 13 | Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.                     | Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.              | Bổ sung theo quy định Khoản 2 Điều 140 Luật doanh nghiệp |
| Điểm b Khoản 4 Điều 13 | Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp | Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty | Bổ sung theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp |
| Điểm c Khoản 4 Điều 13 | Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều   | Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ   | Sửa đổi theo quy định Điều 140 Luật doanh nghiệp         |

| Khoản mục của Điều lệ | Nội dung trong Điều lệ hiện hành   | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung   | Căn cứ   |
|-----------------------|--|---|--|
|                       | <p>này thì, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.</p>   | <p>đồng quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>   |  |
| Khoản 1 Điều 15       | <p>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</p>  | <p>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện</p>   | Bổ sung làm rõ   |
| Khoản 2 Điều 17       |  | <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông<br/> e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên<br/> h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;</p> | <p>Bổ sung theo quy định Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp</p> <p>Bổ sung để áp dụng trong trường hợp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến</p> |
| Khoản 3 Điều 17       | <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch....</p> | <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên</p>  | <p>Sửa đổi bổ sung theo quy định hiện hành và Khoản 1 Điều 143 Luật DN</p>   |

| Khoản mục của Điều lệ | Nội dung trong Điều lệ hiện hành  | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ  |
|-----------------------|---|--|---|
|                       |   | lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp...   |   |
| Khoản 5 Điều 17       | Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau  | Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:   | Làm rõ theo quy định Khoản 3 Điều 142 Luật DN |
| Khoản 2 Điều 18       | Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên | Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên | Bổ sung làm rõ                                |
| Khoản 3 Điều 18       | Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp         | Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp         | Bổ sung làm rõ                                |
| Khoản 4 Điều 18       |   | Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền   | Bổ sung theo Khoản 4                          |

| Khoản mục của Điều lệ | Nội dung trong Điều lệ hiện hành  | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ   |
|-----------------------|---|--|--|
|                       |   | quyết định thay đổi chương trình hợp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.   | Điều 145 Luật DN                                       |
| Khoản 1 Điều 20       | Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: | Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:  | Sửa đổi theo quy định Khoản 5 Điều 7 Luật 03/2022/QH15 |
| Khoản 2 Điều 20       | Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.     | Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.   | Sửa đổi theo quy định Khoản 5 Điều 7 Luật 03/2022/QH15 |
| Điều 25               | Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác ;  | Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác ;  | Bổ sung theo quy định Điều 275 NĐ 245/2025/NĐ/CP       |
| Khoản 3 Điều 26       | Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.   | Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.  | Sửa đổi theo quy định Điều 276 NĐ 245/2025/NĐ/CP       |
| Khoản 5 Điều 26       |   | Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba. | Bổ sung theo Khoản 4 Điều 160 Luật DN                  |
| Khoản 2 Điều 27       |   | s. Phê duyệt tạm thời kế hoạch SXKD hàng   | Bổ sung nhằm đảm                                       |

| Khoản mục của Điều lệ | Nội dung trong Điều lệ hiện hành | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung   | Căn cứ   |
|-----------------------|----------------------------------|---|--|
|                       |                                  | năm và sẽ báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên để thông qua Kế hoạch SXKD chính thức.  | bảo công tác hoạt động SXKD của Công ty hàng năm |
| Điều 32               |                                  | <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> | Bổ sung thêm điều khoản theo Điều 158 Luật DN    |

| Khoản mục của Điều lệ | Nội dung trong Điều lệ hiện hành | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ |
|-----------------------|----------------------------------|--|--------|
|                       |                                  | <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> |        |

| Khoản mục của Điều lệ  | Nội dung trong Điều lệ hiện hành   | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung   | Căn cứ   |
|------------------------|--|---|--|
| Điểm b Khoản 6 Điều 36 | Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;  | Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán   | Sửa đổi theo quy định Điều 291 NĐ 245/2025/NĐ-CP         |
| Điểm a Khoản 6 Điều 43 | Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;  | Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;                | Điều chỉnh thống nhất với Điểm h Khoản 2 Điều 27 Điều lệ |
| Điểm b Khoản 6 Điều 43 | b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan. | b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông | Điều chỉnh thống nhất với Điểm d Khoản 1 Điều 15 Điều lệ |

| <b>Khoản mục của Điều lệ</b> | <b>Nội dung trong Điều lệ hiện hành</b> | <b>Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung</b>                                    | <b>Căn cứ</b> |
|------------------------------|---|---|---------------|
|                              |   | thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan. |               |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*-----\*\*\*

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

# MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| <b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....   | 1  |
| <b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b> .....  | 1  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....  | 1  |
| <b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b> ..... | 2  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty ..   | 2  |
| <b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> 3   |    |
| Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....   | 3  |
| Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....   | 4  |
| <b>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b> .....   | 4  |
| Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....   | 4  |
| Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu .....  | 5  |
| Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....  | 5  |
| Điều 8. Sổ đăng ký Cổ đông .....   | 5  |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....  | 6  |
| <b>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b> .....   | 6  |
| Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....   | 6  |
| <b>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....  | 7  |
| Điều 11. Quyền của cổ đông.....  | 7  |
| Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....  | 9  |
| Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....   | 10 |
| Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....   | 12 |
| Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 13 |
| Điều 16. Thay đổi các quyền.....   | 14 |
| Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 14 |
| Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 16 |
| Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 16 |
| Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....   | 18 |
| Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông                                   | 19 |
| Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....   | 21 |
| Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....   | 22 |
| <b>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....   | 22 |
| Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....  | 22 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....  | 23 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....  | 24 |
| Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....  | 25 |

|  |           |
|--|-----------|
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....   | 26        |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....   | 27        |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....   | 28        |
| Điều 32. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....   | 29        |
| Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty).....  | 29        |
| <b>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> .....  | <b>30</b> |
| Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....   | 30        |
| Điều 35. Người điều hành Công ty.....  | 30        |
| Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....  | 31        |
| <b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</b> .....  | <b>32</b> |
| Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....  | 32        |
| Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát .....  | 32        |
| Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát .....  | 33        |
| Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....  | 33        |
| Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....   | 34        |
| Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên .....  | 34        |
| <b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b> ..... | <b>34</b> |
| Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....  | 35        |
| Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....  | 36        |
| <b>CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....   | <b>36</b> |
| Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....  | 36        |
| <b>CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....   | <b>37</b> |
| Điều 46. Phân phối lợi nhuận .....   | 37        |
| <b>CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b> ..  | <b>38</b> |
| Điều 47. Tài khoản ngân hàng .....   | 38        |
| Điều 48. Năm tài chính .....   | 38        |
| Điều 49. Chế độ kế toán .....  | 38        |
| <b>CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....                                     | <b>38</b> |
| Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....  | 38        |
| Điều 51. Báo cáo thường niên .....   | 39        |
| <b>CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> .....  | <b>39</b> |
| Điều 52. Kiểm toán.....  | 39        |
| <b>CHƯƠNG XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b> .....  | <b>39</b> |
| Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....   | 39        |
| <b>CHƯƠNG XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY</b> .....   | <b>39</b> |
| Điều 54. Giải thể công ty .....  | 40        |
| Điều 55. Thanh lý .....  | 40        |

|  |           |
|--|-----------|
| <b>CHƯƠNG XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT</b>   | <b>40</b> |
| Điều 56. Quan hệ với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh..... | 40        |
| Điều 57. Quan hệ với Công ty liên kết.....   | 43        |
| <b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b> .....  | <b>43</b> |
| Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....  | 43        |
| <b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> .....   | <b>44</b> |
| Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.....   | 44        |
| <b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</b> .....   | <b>44</b> |
| Điều 60. Ngày hiệu lực .....   | 44        |
| Điều 61. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật. ....   | 44        |

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (dưới đây gọi là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày.....

## **CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

b. “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan

d. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan;

đ. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Người đại diện theo pháp luật, Tổng

giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác;

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

h. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

i. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

k. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

n. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **EVN INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **EVN International J.S.C**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 145 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
- Điện thoại: 0236.6255656
- Fax: 0236.3633991
- E-mail: admin@evni.vn
- Website: http://evni.vn

4. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, công ty con, công ty liên kết hoặc các hình thức hoạt động khác tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo khoản 2 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty là (gồm các ngành, nghề sau):

a) Đầu tư, quản lý dự án, xây dựng, vận hành công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia; tham gia đầu tư kinh doanh viễn thông, lâm nghiệp, khai thác mỏ,... tại Campuchia.

b) Sản xuất và kinh doanh điện năng ở trong và ngoài nước.

c) Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước.

d) Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước.

e) Thí nghiệm điện.

f) Quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật... và các dịch vụ tư vấn xây dựng khác.

g) Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị.

h) Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện.

i) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

j) Thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng, công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng, vận hành các công trình điện trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có công trình).

k) Khai thác lâm nghiệp, khai thác mỏ trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án).

l) Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước (theo quy định của pháp luật nước có dự án).

m) Sản xuất, truyền tải và mua bán điện trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án).

n) Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng.

o) Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện.

p) Khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng trong và ngoài nước (theo quy định của nước có dự án).

q) Giám sát thi công xây dựng - hoàn thiện công trình thủy điện đến cấp I.

r) Các lĩnh vực kinh doanh khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

2. Mục tiêu của Công ty là bảo toàn, phát triển vốn của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hóa lợi nhuận, tích lũy đầu tư phát triển Công ty.

3. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Công ty chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 366.771.450.000 đồng (ba trăm sáu mươi sáu tỷ, bảy trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Vốn điều lệ này được chia thành 36.677.145 cổ phần (Ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi bảy, một trăm bốn mươi lăm cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật

### **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty có thể được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 8. Sổ đăng ký Cổ đông**

1. Công ty sẽ lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu cổ phần của mỗi Cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chính sau:

a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

f) Các chi tiết khác do Hội đồng quản trị quy định tại từng thời kỳ.

2. Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

3. Chậm nhất là năm (5) ngày sau khi Công ty (i) được thanh toán đầy đủ cho các cổ phần mà Công ty phát hành hoặc (ii) nhận được thông báo và giấy tờ hợp lệ chứng minh việc chuyển nhượng, các chi tiết liên quan đến Cổ đông hoặc người nhận chuyển nhượng sẽ được ghi chép vào trong Sổ đăng ký Cổ đông.

4. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của mình. Trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký Cổ đông.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

## CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu trong công ty;
  - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
  - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty; ;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
  - i. Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
  - a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật doanh nghiệp, khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp;
  - b. Đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và

Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông

và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

e) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật cổ đông.

### **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành

### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. .

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau

đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều

140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
    - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
    - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
    - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
  - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
  - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
    - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất

năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử;

i. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này

có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. .

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.

#### **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;  
b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;  
c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp sau đây nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu

cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị .

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy

đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

## **CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;

- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

#### **Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
  - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;

#### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.
- 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:
  - a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác quy định của pháp luật.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định của pháp luật.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Điều lệ này, khoản 1 và khoản 3

Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

s. Phê duyệt tạm thời kế hoạch SXKD hàng năm và sẽ báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên để thông qua Kế hoạch SXKD chính thức.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. .

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người

được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát ;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng

quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban..

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại

Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

### **Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty)**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị (Thư ký công ty) công ty tùy từng thời điểm.

## **CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 35. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

2. Theo đề nghị Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp

với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. . Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

6. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm

soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

## **CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

đ) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

### **và không thuộc các trường hợp sau:**

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

### **Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
  - d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

### **Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

- Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
  2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
  3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
  4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
  5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công

ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**

## **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

### **Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) hoặc giao

dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. .

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ

đồng mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **CHƯƠNG XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ

theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã

được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **CHƯƠNG XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **CHƯƠNG XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

#### **Điều 54. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; ;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 55. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
  - c. Nợ thuế;
  - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

### **CHƯƠNG XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT**

**Điều 56. Quan hệ với các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh.**

*A. Mối quan hệ với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên*

1. Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam và/hoặc pháp luật của Campuchia, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Cổ đông của Công ty là chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, Hội đồng quản trị Công ty là đại diện chủ sở hữu thay mặt thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Các quyền của Công ty:

- Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm và ngành nghề kinh doanh;

- Quyết định nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho tổ chức, cá nhân khác;

- Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

- Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy điều hành; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; phân cấp cho Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng, các lợi ích khác của Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định các dự án đầu tư; bán tài sản; các hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

- Yêu cầu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật và Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

b) Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty:

- Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công

ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong phạm vi vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Tuân thủ Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Phải xác định và tách biệt tài sản của Công ty và tài sản của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với công ty.

c) Ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định, Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty.

*B. Quan hệ giữa Công ty với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh*

a) Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh được thành lập ở nước ngoài tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại hình của công ty đó.

b) Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó.

c) Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở công ty con thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con.

d) Công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

- Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn góp chi phối của Công ty tại các công ty con. Người đại diện được trực tiếp tham gia ứng cử vào các chức danh điều hành quản lý tại các công ty con, phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ của công ty đó.

- Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các công ty con;

- Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con;

- Yêu cầu công ty con cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của tổ hợp Công ty mẹ

- Công ty con;

- Các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật và Điều lệ công ty đó.

e) Ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định, các công ty con cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh còn phải lập và đệ

trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

#### **Điều 57. Quan hệ với Công ty liên kết**

1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty cử người đại diện phần vốn để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo điều lệ của công ty liên kết và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp Công ty không nắm giữ đủ tỉ lệ cổ phần có quyền biểu quyết hoặc vốn góp cần thiết tại công ty liên kết mà không thể cử người đại diện phần vốn tham gia quản lý trực tiếp tại công ty liên kết thì phải tổ chức theo dõi số vốn đã đầu tư, lợi tức được chia và các lợi ích khác từ phần vốn đầu tư tại công ty liên kết; phân công người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

### **CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

## **CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định pháp luật mới khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 60. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 60 Điều, được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp ngày 23 tháng 6 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 61. Chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật.**

*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026*

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
EVN QUỐC TẾ**

Số: 16/TTr-HĐQT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đà Nẵng, ngày 06 tháng 4 năm 2026*

## **TỜ TRÌNH**

### **V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản trị nội bộ công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các luật sửa đổi, bổ sung có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn về quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp đầu tiên ngày 12/9/2007, sửa đổi bổ sung được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 23/06/2021;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông năm 2021 ngày 23/06/2021.

Để chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định hiện hành, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua sửa đổi, bổ sung “Quy chế về quản trị nội bộ Công ty cổ phần EVN Quốc tế” như dự thảo đính kèm.

Nội dung sửa đổi bổ sung chi tiết được lập theo Phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu: VT, TH, Thư ký.

**Đính kèm:**

Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung

**CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trương Quang Minh**

## TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

| Điều khoản      | Nội dung theo Quy chế hiện hành   | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ                         |
|-----------------|---|--|--------------------------------|
| Khoản 5 Điều 4  | Trung tâm lưu ký chứng khoán  | Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam   | Cập nhật thông tin             |
| Khoản 8 Điều 4  | Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.   | Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện   | Sửa đổi thống nhất với Điều lệ |
| Khoản 10 Điều 4 | Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên | Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên | Sửa đổi thống nhất với Điều lệ |
|                 | Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ                     | Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai.   | Sửa đổi thống nhất với Điều lệ |

| Điều khoản | Nội dung theo Quy chế hiện hành | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ  |
|------------|---------------------------------|--|---|
|            | đồng dự họp                     | Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp  |   |
| Điều 6     |                                 | <p>Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:</p> <p>1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như tại Khoản 6 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền căn cứ thông báo mời họp của Công ty để tiến hành đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến theo quy định cụ thể trong thông báo mời họp.</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: được thực hiện như tại Khoản 8 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>d) Điều kiện tiến hành: được thực hiện như quy định tại Khoản 10 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: được thực hiện như quy định tại Khoản 11 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến: được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức Đại hội và Quy chế bầu cử (nếu có) và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi thực hiện.</p> <p>g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: được</p> | Bổ sung theo quy định Thông tư 116/2020/TT-BTC và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 128/2021/NĐ-CP |

| Điều khoản       | Nội dung theo Quy chế hiện hành   | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung   | Căn cứ  |
|------------------|---|---|---|
|                  |   | <p>quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức Đại hội và Quy chế bầu cử (nếu có) và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi thực hiện h) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.</p> <p>i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: được thực hiện như tại Khoản 15 Điều 4 Quy chế này.</p> <p>k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: được thực hiện như tại Khoản 16 Điều 4 Quy chế này.</p> |   |
| Khoản 2 Điều 7   |   | s. Phê duyệt tạm thời kế hoạch SXKD hàng năm làm cơ sở phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và sẽ báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên để thông qua Kế hoạch SXKD chính thức.  | Bổ sung thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Điều lệ      |
| Khoản 8.2 Điều 8 | Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. | Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải có tối thiểu 01 thành viên không điều hành  | Sửa đổi theo quy định Điều 276 NĐ 245/2025/NĐ/CP                          |
|                  | Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác                              | Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác   | Bổ sung theo quy định Điều 275 NĐ 245/2025/NĐ/CP                          |
| Khoản 4 Điều 9   |   | Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là thành viên Ban điều hành được trả tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban điều hành và thù lao của thành viên hội đồng quản trị không chuyên trách   | Sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định 248/2025/NĐ-CP |
| Khoản            | Trưởng hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối  | Trưởng hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ   | Bổ sung theo Điều 158 Luật DN   |

| Điều khoản      | Nội dung theo Quy chế hiện hành  | Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung   | Căn cứ   |
|-----------------|--|---|--|
| 9.2 Điều 10     | ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 9.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.  | chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 9.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan |  |
| Khoản 4 Điều 16 | Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ | Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán   | Sửa đổi theo quy định Điều 291 NĐ 245/2025/NĐ-CP |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*-----\*\*\*

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

# MỤC LỤC

|  |           |
|--|-----------|
| <b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....  | <b>1</b>  |
| Điều 1. Mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....   | 1         |
| Điều 2. Giải thích từ ngữ .....  | 2         |
| <b>CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....   | <b>3</b>  |
| Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....  | 3         |
| Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây: .....                              | 5         |
| Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: .....  | 12        |
| Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến: .....                                 | 14        |
| Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị. ....   | 15        |
| Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. ....   | 16        |
| Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị. ....   | 19        |
| Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: .....  | 20        |
| Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....  | 22        |
| Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty .....  | 22        |
| <b>CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT</b> .....  | <b>23</b> |
| Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát .....  | 23        |
| Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát. ....   | 24        |
| <b>CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....   | <b>26</b> |
| Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc .....   | 26        |
| Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc .....  | 27        |
| Điều 17. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc .....   | 28        |
| <b>CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....  | <b>28</b> |
| Điều 18. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD .....   | 28        |
| Điều 19. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin .....  | 29        |
| Điều 20. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và TGD .....   | 29        |
| <b>CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC</b> ..... | <b>29</b> |
| Điều 21. Phương thức, tiêu chí đánh giá hoạt động .....  | 30        |
| Điều 22. Khen thưởng, kỷ luật .....  | 30        |
| <b>CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....  | <b>31</b> |
| Điều 23. Xử lý vi phạm .....   | 31        |

|  |    |
|--|----|
| Điều 24. Tổ chức thực hiện .....       | 31 |
| Điều 25. Sửa đổi, bổ sung qui chế..... | 31 |
| Điều 26. Hiệu lực thi hành.....        | 31 |

# **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ**

*(Ban hành theo Quyết định số ...../QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị  
ngày 23 tháng 06 năm 2021)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần EVN Quốc tế

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...../NQ-ĐHĐCĐ ngày ..... tháng ..... năm 2026.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần EVN Quốc tế bao gồm các nội dung sau:

## **CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Mục đích ban hành: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) được Hội đồng quản trị EVNI xây dựng phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán .

Từ văn bản chủ đạo là Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ Công ty cổ phần EVN Quốc tế cụ thể hóa các quy định trong Điều lệ và có thể bao gồm bất kỳ một quy định nào phục vụ cho việc quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thông qua quy chế này, Công ty sẽ điều hành và kiểm soát một cách tốt nhất cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan khác của Công ty. Đồng thời, các nguyên tắc quản trị Công ty

đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định trong Công ty, qua đó ngăn chặn sự lạm dụng quyền lực và chức vụ, giảm thiểu những rủi ro không cần thiết cho Công ty. Mục tiêu lớn nhất của Quy chế Quản trị Công ty là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

- a. "Công ty" là Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
- b. "Người điều hành doanh nghiệp" là Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;
- c. "Cán bộ" là người làm công tác quản lý hoặc lĩnh vực chuyên môn trong Công ty cổ phần EVN Quốc tế, được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm bằng văn bản, được hưởng lương chức vụ hoặc phụ cấp chức vụ. Cán bộ bao gồm cả người sử dụng lao động và người lao động;
- d. "Quản trị Công ty" là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - i. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - ii. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - iii. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - iv. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - v. Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
- e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán, bao gồm:
  - i. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
  - ii. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
  - iii. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư, nắm cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
  - iv. Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
  - v. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ,

- mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; ;
- vi. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- vii. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.
- f. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- g. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

#### **2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:**

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội

đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

### **3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:**

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài

sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:**

**1. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối.

**2. Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:**

Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Công ty (điều 13).

**3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

**4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp**

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

**5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị họp và công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông

có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo thực hiện quyền được lập theo mẫu quy định gửi đến Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tối thiểu tám (08) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, được đăng trên website của Công ty, gửi công bố thông tin về Thông báo thực hiện quyền cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu.

#### **6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:**

Căn cứ vào danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách, Công ty gửi Thông báo họp cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt. Thông báo họp bao gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm và các thông tin liên quan các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội, giấy uỷ quyền, được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

#### **7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:**

7.1 Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc hoặc được thông báo bằng các phương tiện của Công ty, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán

7.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ

phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

7.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 7.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

7.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 7.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 7.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **8. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:**

8.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện

8.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 8.1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

8.3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:**

a. Để tạo điều kiện thuận lợi Ban tổ chức chuẩn bị tốt các khâu phục vụ, từ tài liệu, chỗ ngồi, đến các phiếu biểu quyết,.. nhằm tổ chức Đại hội cổ đông đạt một kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí, thời gian; Ban tổ chức Đại hội ngoài việc gửi Thông báo kèm theo là mẫu đăng ký tham dự Đại hội đến các cổ đông. Các cổ đông gửi đăng ký tham dự Đại hội về Ban tổ chức trước ngày họp ít nhất một (01) ngày làm việc. Nội dung đăng ký phải nêu rõ Tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu đến thời điểm chốt danh sách, địa chỉ, số điện thoại để tiện việc liên lạc khi cần thiết.

b. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- + Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### **10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:**

10.1. Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

10.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

10.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

#### **11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức

biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

## **12. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu**

a. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi cổ đông được cấp các thẻ biểu quyết từng nội dung đã được in trên thẻ. Trên Thẻ/Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ tay biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Thành phần Chủ tịch đoàn; Ban thư ký; Ban kiểm phiếu biểu quyết; Quy chế bầu cử; Danh sách ứng cử; thông qua Nghị quyết đại hội, Biên bản đại hội.

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Thẻ/Phiếu biểu quyết:

Hình thức biểu quyết này được dùng để thông qua các vấn đề được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 14 của Điều lệ Công ty.

b. Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Cổ đông hoặc người được đại diện theo ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Phiếu biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại điểm a nêu trên.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước của Thẻ/Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa đoàn. Ban kiểm phiếu

tiến hành thu phiếu theo lần lượt: Phiếu tán thành; Phiếu không tán thành, và Phiếu không có ý kiến. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ/Phiếu biểu quyết, Thành viên ban kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

c. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cú 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết trong chương trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua theo Điều 20 của Điều lệ công ty.

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả thẻ/phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và chuyển cho Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **13. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:**

31.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

13.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

13.3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

### **14. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp)**

14.1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu

cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

14.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### **15. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

15.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản (lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

15.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

15.3. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. .

### **16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được công bố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020.

Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của công ty, kể từ khi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.

### **Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp sau đây nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản :

2.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.

2.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị .

2.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

2.4. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; .

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông

qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:**

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như tại Khoản 6 Điều 4 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền căn cứ thông báo mời họp của Công ty để tiến hành đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến theo quy định cụ thể trong thông báo mời họp.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: được thực hiện như tại Khoản 8 Điều 4 Quy chế này.

d) Điều kiện tiến hành: được thực hiện như quy định tại Khoản 10 Điều 4 Quy chế này.

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: được thực hiện như quy định tại Khoản 11 Điều 4 Quy chế này.

e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến: được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức Đại hội và Quy chế bầu cử (nếu có) và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi thực hiện.

g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức Đại hội và Quy chế bầu cử (nếu có) và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi thực hiện

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: được thực hiện như tại Khoản 15 Điều 4 Quy chế này.

k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: được thực hiện như tại Khoản 16

Điều 4 Quy chế này.

### **CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị

quyết;

- n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
- s. Phê duyệt tạm thời kế hoạch SXKD hàng năm làm cơ sở phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và sẽ báo cáo tại ĐHCĐ thường niên để thông qua Kế hoạch SXKD chính thức.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

### **Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

#### **8.1 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:**

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.
- b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

#### **8.2 Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;**

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.

#### **8.3 Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:**

Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; .
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 36 Điều lệ công ty.

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

#### **8.4 Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:**

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc phân chia số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên.

- Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào HĐQT (đối với phiếu bầu HĐQT) hoặc BKS (đối với phiếu bầu BKS). Cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tín nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào Thùng phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu mới.

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử của Công ty.

#### **8.5 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục,

trừ trường hợp bất khả kháng;

- Trường hợp khác quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b Khoản này.

### **8.6 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo công khai, kịp thời trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website <http://evni.vn> và theo quy định liên quan tại Điều lệ công ty.

### **8.7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

Việc giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định tại Khoản 8.3 và Khoản 8.4

### **8.8 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:**

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là thành viên Ban điều hành được trả tiền lương, tiền thưởng của thành viên Ban điều hành và thù lao của thành viên hội đồng quản trị không chuyên trách.

5. Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông,, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. .

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:**

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;  
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

### **3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:**

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:**

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

### **6. Cách thức biểu quyết:**

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8

Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

### **7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### **9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:**

9.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

9.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 9.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu

trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

9.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

9.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

9.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được gửi đến các thành viên bằng thư, fax, thư điện tử hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website <http://evni.vn>.

### **Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về nhân viên t, biên bản họp được thực hiện theo quy định tại Điều viên Hội đồng quản trị không thể dự họp); ngoài của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban..

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 12. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT Công ty quyết định và phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty) khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị (Thư ký công ty) công ty tùy từng thời điểm.

## **CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng

cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:**

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành phải là người có quan hệ gia đình của thành viên quy định khác;

đ) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

### **3. Thành viên Ban kiểm soát không thuộc các trường hợp sau:**

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **4. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

4.1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát viên được thực hiện tương tự như việc ứng cử, đề cử, bầu cử, bãi nhiệm và miễn nhiệm thành viên HĐQT quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

4.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:**

5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Kiểm soát viên phải được thông báo công khai, kịp thời trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website <http://evni.vn> và theo quy định liên quan tại Điều lệ công ty.

## **7. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

7.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## **CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

#### **3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:**

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị

quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

### **4. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:**

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;  
b) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

#### **\* Tiêu chuẩn Tổng giám đốc Công ty như sau:**

##### **4.1. Về trình độ:**

- Tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực hoạt động, ngành nghề chính của Công ty;

- Tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên;

- Trình độ tiếng Anh đáp ứng yêu cầu công việc.

4.2. Đã qua ít nhất một khoá huấn luyện về quản lý kinh tế, thời gian ít nhất từ 3 tháng trở lên.

- Ưu tiên: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; Có trình độ lý luận chính trị cao cấp; Có kinh nghiệm thực tiễn về quản lý sản xuất - kinh doanh.

##### **4.3. Về năng lực:**

- Hiểu biết nhất định về luật pháp, nhất là các văn bản pháp quy của Nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ngành nghề chính của đơn vị;

- Có năng lực chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, hoạt động của đơn vị, năng động, sáng tạo. Nghiên cứu đề xuất với Tập đoàn những chủ trương, biện pháp, chế độ liên quan đến lĩnh vực công tác của đơn vị;

- Biết kết hợp lý luận với thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm, áp dụng các mô hình, phương pháp quản lý tiên tiến vào thực tiễn hoạt động quản lý, điều hành của đơn vị;

- Biết phân công, phối hợp công tác giữa các phó giám đốc, điều hành công việc của các phòng, ban tham mưu, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, chăm lo đời sống vật chất và

tinh thần của CBCNV.

4. 4. Về kinh nghiệm:

- Có thâm niên công tác từ 9 năm trở lên;

- Có kinh nghiệm thực tiễn ít nhất 3 năm hoạt động trong lĩnh vực dự kiến lãnh đạo, quản lý.

**5.Trình tự, thủ tục đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc**

5.1. Căn cứ nhu cầu công tác, HĐQT họp bàn và có nghị quyết về việc đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

5.2. Sau khi có Nghị quyết, HĐQT họp đề xuất phương án nhân sự chủ yếu dựa vào nguồn cán bộ trong quy hoạch.

5.3. Chủ tịch HĐQT ra quyết định công nhận.

**Điều 17. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc**

1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 18. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và TGD**

1. Thành viên BKS, thành viên Ban TGD (không phải là thành viên HĐQT) và cán bộ quản lý có thể được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan kèm theo đến BKS, Ban TGD ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a) Ban kiểm soát;

b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

d) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.

5. Khi cần thiết, Trưởng BKS có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban TGD tham dự cuộc họp của BKS để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.

6. Khi cần thiết, TGD có thể mời một số thành viên HĐQT, thành viên BKS tham dự cuộc họp của Ban TGD để tham vấn những vấn đề liên quan. Trong trường hợp này, Thư mời phải được gửi cho những thành phần được mời ít nhất năm (05) ngày làm việc trước cuộc họp.

### **Điều 19. Vấn đề báo cáo và cung cấp thông tin**

1. Thành viên HĐQT, TGD và cán bộ quản lý các cấp phải cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty theo yêu cầu của BKS. Yêu cầu phải được lập thành văn bản và có chữ ký của Trưởng BKS.

2. Trường hợp cần thiết, Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

3. TGD báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.

### **Điều 20. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên BKS và TGD**

1. Các thành viên HĐQT, BKS và TGD sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, BKS và TGD có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc thuận lợi và hiệu quả.

## **CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

## **Điều 21. Phương thức, tiêu chí đánh giá hoạt động**

### 1. Phương thức đánh giá hoạt động:

a) Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác (do HĐQT Công ty bổ nhiệm) có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức: Tự nhận xét, đánh giá; Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm; Cách thức khác do HĐQT Công ty quyết định.

b) Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng HĐQT Công ty bổ nhiệm, thì TGD quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo HĐQT kết quả thực hiện đánh giá khi có yêu cầu.

### 2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a) HĐQT đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) BKS đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ BKS quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c) HĐQT đánh giá kết quả và hiệu quả điều hành của TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác liên quan hàng năm dựa trên cơ sở đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng BKS.

d) Đối với các cán bộ quản lý khác không thuộc đối tượng HĐQT Công ty bổ nhiệm, thì TGD quyết định việc đánh giá.

## **Điều 22. Khen thưởng, kỷ luật**

### 1. Khen thưởng:

a) HĐQT quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do HĐQT Công ty bổ nhiệm.

b) TGD quyết định khen thưởng đối với các chức danh quản lý do TGD Công ty bổ nhiệm.

c) Việc khen thưởng đối với thành viên HĐQT, KSV do ĐHĐCĐ Công ty quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

### 2. Kỷ luật:

a) Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD và cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và Công ty.

b) HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGD có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGD bổ nhiệm.

c) Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục

xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật lao động.

## **CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Xử lý vi phạm**

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các qui định trong qui chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật.

### **Điều 24. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng Quản trị chủ trì phối hợp với Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong công ty tổ chức thực hiện qui chế này.

### **Điều 25. Sửa đổi, bổ sung qui chế**

Khi các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan được sửa đổi, bổ sung hoặc quá trình thực hiện qui chế này có vướng mắc, có những vấn đề không phù hợp, các đơn vị & cá nhân có liên quan có trách nhiệm đề xuất với công ty (thông qua Phòng Tổng hợp), Phòng Tổng hợp Công ty có nhiệm vụ tổng hợp, nghiên cứu báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và ký quyết định ban hành.

Các quy định, hướng dẫn trong các văn bản liên quan khác đang áp dụng trong Công ty có nội dung khác với quy chế này sẽ được thay thế bởi nội dung tương ứng của quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Trương Quang Minh**